

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
HUE QUANG



GIỮ THƠM QUÊ MẸ

TẬP SAN VĂN NGHỆ
LÁ BỒI XUẤT BẢN

5

MARTIN HEIDEGGER • VÕ HỒNG • TRẦN TUẤN KIẾT
HỒ HỮU TƯỜNG • PHẠM DUY • SƠN NAM
NHẤT HẠNH • TRỤ VŨ • NGUYỄN THỊ HÀ • THÀNH
TÔN • THÁI TƯ HẠP • LUÂN HOÁN • NGUYỄN
PHAN THỊNH • HOÀNG THỊ THỦY TIÊN • CHÍN •
VƯƠNG PẪN LIÊM • RUTH THABVALA • HOÀI KHANH

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

Tạp chí văn nghệ • Lá Bối xuất bản

Coi sóc : HOÀI KHANH

2	Nguyễn Thị Hà	Bóng
3	Thành Tôn	Ranh giới cô đơn
4	Luân Hoán	Ca dao tình yêu
—	Nguyễn Phan Thịnh	Thanh cao như một ánh trời
5	Trần Tuấn Kiệt	Cát biển — Mộng sâu
6	Thái Tú Hạp	Nụ chào bao dung
7	Hoàng Thị Thủy Tiên	Nhìn lên
8	Huy Lực	Huyền trang — Trùng dương
9 — 10	Hoài Khanh	Mưa và đất - Trời mưa nghe nhạc J. Strauss
11	Nhất Hạnh	Duy thị nhất tâm
12 — 21	Võ Hồng	Mẹ gà con vịt
22 — 31	Martin Heidegger	Hoelderlin và yếu tính của thi ca
32 — 36	Hồ Hữu Tường	Quả trứng màu
37 — 41	Sơn Nam	Viếng mũi Cà Mau
42 — 50	Trụ Vũ	Trung thu đợi người
51 — 56	Nhất Hạnh	Nói với tuổi hai mươi
57 — 59	Phạm Duy	Tâm ca số 5
60 — 68	Ruth Jhabvala	Cuộc khảo sát
69 — 74	Vương Pên Liêm	Lược sử ĐLGDCĐ
75 — 79	Chín	Xóm Đáy
80 — 87	Hoài Khanh	Thành phố đi rồi
88 — 98	Nhất Hạnh	Nẻo về của ý (truyện dài)

Số 5 tháng mười một năm 1965



ranh giới cô đơn

vui riêng, cười lẻ, khóc thầm
đời sao sống vậy hồi âm cõi nào
vô ra nhạt bóng lao đao
co thân thú thể trông vào những đâu

nhện buồn chỉ đó canh thâu
lưới chằng hồn dựng mắt sầu nhạt thừa
tới lui chân lạc tay thừa
mẹ cha cũng vậy nên chưa hiểu giùm

xuống lên trời tận đất cùng
anh em ngày một muôn trùng cách xa
máu hồng mạch sẻ lần qua
bàn chân vĩa phố một ta kẻ chờ

dây thừa chấp nẻo ơ thờ
ngọn đèn chừng dấm cũng mờ bóng quen
sống không tiếng động, thân hèn
lại qua cũng vậy chi bèn thu thân

đi về bóng lạ bàn chân
dòng sông nghiệp dĩ tiếp dần biển khơi
quanh co nghĩ rộng đất trời
cái tôi hiện hữu một thời vong nô

khép dần cánh cửa hư vô
thân chưa nhập thể cơ hồ cách xa

THÀNH TÔN

tâm bài lục bát



ca dao tình yêu

Tóc em nổi sợi chưa vừa
cột chân tôi động theo mùa nước sông
đêm kề hồn bến hư không
mái tranh sương giọt đầy lòng chiêm bao
sầy tay em rớt sâu vào
chết thân tôi hiện ca dao tạ đời
mai người buồn miệng ngâm chơi
may ra tôi được lên trời đầu thai

LUÂN HOÁN

thanh cao như một ánh trời

từ tôi bài hoài hình hài
về đây vất cả cuộc đời dưới chân
từ tôi lòng dạ ăn năn
thềm con thuyền nhỏ giữa dòng thực hư
ôi thôi trí tối tâm mờ
đã yêu chút sắc đã ngờ chiêm bao
đã đưa hồn phách đi đâu
một miền lửa khói khóc gào bình yên
ôi tôi bạc bẽo căn phần
ôm hôn mép đá giữa vùng cỏ cây
quên quên sống hết con người
thanh cao như một ánh trời cầu xin

Đà Lạt 8 - 65

NGUYỄN PHAN THỊNH



cát biển

trong cơn giông bão mịt mù
tiếng con én nhỏ sầu thu gọi người
bến hồng giục già khôn nguôi
thời gian huyễn mộng cát trôi xa bờ

mộng sầu

ngủ ngoan đôi má em hồng
trăm năm giấc ngủ trong vòng thời gian
thành cao chiều đỏ hanh vàng
con chim đáp lại tiếng vang giữa hồn
im lìm giấc ngủ cô đơn
núi xa vọng gác sông cuồng máu trôi
củi khô bến lạ sóng đời
chợt nghe chuông động bên đồi trắng xa
tiếng ngân xao xuyến giang hà
con thuyền chở nhớ thương qua biển sầu
đuôi dài giấc ngủ Phi châu,
năm nghe gió vọng mối sầu Gandhi.

TRẦN TUẤN KIỆT

nụ chào bao dung

xin ngày cho thấy mặt nhau
xin chuông chùa thức đêm sầu bi thương
xin thôi chia nẻo chiến trường
xin cơn đau đớn xa nguồn từ ly
xin chiều mắt mẹ từ bi
xin em lặng tiếng ngậm ngùi ru con
xin chim ngợp nắng ruộng đồng
xin mây thu vẫn bênh bông trên cao
xin anh lời hát ngọt ngào
xin ngàn năm đón nụ chào bao dung
xin sông về kiếp trùng dương
xin cho lòng mẹ thấm hồng tuổi đau
xin tay làm nhịp kinh cầu
xin miền chiến trận suốt đời lãng quên
xin vùng bom đạn ăn năn
xin thân thể xóa điều tàn dấu xưa
xin van đời những lọc lừa
xin hồn nguyên tử giữa mùa loạn ly
xin em suối ngọc huyền vi
xin cho thanh tịnh đời phi nghĩa này ...

9/65

THÁI TỬ HẠP



nhìn lên

Xin về bóng lá quê hương
Bờ ao dâm mát thiên đường tuổi thơ
Sớm mai hồn mượt sương mù
Giữa khuya nường nấu giọng hò ca dao

Xin về nắng muôn mưa rào
Cỏ xanh mượt nụ thâm giao hiền hòa
Cơm nghèo đỏ thắm màu da
Lời ru mẹ ngọt điệu ca cội nguồn

Xin về tiền sử bao dung
Với trăm tình nghĩa bà con nghìn đời
Hồn quê nội ấm niềm vui
Môi thơm mùa dựng nụ cười tình thương

HOÀNG THỊ THỦY TIÊN

(*quinhơn*)

huyền trang

bay lên ta nhập huyền trang
đường ra cõi thế sen vàng nở hoa
mắt em tròng hạt di đà
khói hương chìm tiếng thịt da kêu buồn
em nhòa nước mắt hơi sương
lên cao lên mãi muôn phương ta về

trùng dương

vào trong lưu nhiệt trùng dương
rong rêu phù thế vô thường lãng ba
mù sương cuộc sống băng hà
tôi hiện sinh đứng khóc òa bến mê
xin em bóng mát đường về
cõi nào đây giữa bốn bề hư không.

HUY LỰC

mưa và đất

Mưa về thành phố rồi đây
Mai sau còn có một ngày trông mưa ?
Nghe vang tiếng thét trên mùa
Ôi cảnh khô mấy nghìn xưa vọng trầm
Đi, về trong cõi xa xăm
Ở đây nào biết ta thắm xót thương
Dòng sông cũng đã lên đường
Núi xanh xa cũng biệt nguồn hơi mây
Đất đau từng quả bom cay
Lòng đau từ thừa chia tay cuộc tình
Nặng nề một bóng hư linh
Đã nghe, từng thấy màu sinh tử bưng
Chiều nào tiếng quốc lâm chung
Bờ hiu hắt rộng sông trùng điệp dâng
Cõi khô bỗng ứa hai hàng
Dòng xanh bỗng dậy vô vàn điệu ru
Mưa về từ cõi hoang vu
Còn ta từ cõi nào thu mối sầu ?

5 - 10 - 65

HOÀI-KHANH



trời mưa nghe nhạc

J. Strauss

Trời mưa phố ngủ sương rùng
Dáng em leo lét nửa vầng trăng non
Cây cành trơ nhánh chon von
Rừng xưa chừ cũng mỗi mòn nước sông
Ngày vui vệt nắng xanh hồng
Đêm đi rờn lạnh tiếng cồng thênh thang
Tôi thu mình lắng cung đàn
Chợt mù sương trắng đôi hàng song song
Em vang nức nở giọng đồng
Đôi bờ ngắt lịm theo giòng mưa sa
Hồn run trên phím tay gà
Dòng sông từ đó chan hòa trong tim

HOÀI KHANH



duy thị nhất tâm

thành trì em năm xưa

ai đã hứa sẽ xây cho vững chãi ?

sáng hôm nay những người cũ bỗng thấy bập bênh
phiêu giạt trên sóng gió đại dương

khờ đau xây cho loài người một trú địa cuối cùng,
và nơi đó em sẽ ăn náu qua đêm dài độc địa.

hãy nhắc lại cho tôi nghe những lời năm xưa tôi đã hứa
để tôi có thể còn có mặt ngày mai mà làm chứng cho em
những mũi tên cắm vào thân thể tôi vẫn còn đây, nguyên
vẹn, chưa bao giờ giao trả

sửa soạn khu vườn xanh của em cho sây trái

tôi cũng sẽ là một con chim như những con chim khác,
suốt đời chỉ tìm tới chốn suối ngọt cây lành.

hãy là chuyển luân thánh vương

ngọn bút nội tâm em sẽ ký sắc lệnh đầy khổ đau
ra ngoài vòng hiện hữu

và gọi về từ muôn phương tản mác nào hoa, nào bướm
cho chồi non tuổi xanh căng nhựa sống,
vũ trụ cười khi hai mắt em cười.

1965

NHẤT HẠNH

nó rút tay trở lại, sợ bị mồi. Thăng Đức lại vỗ vỗ lên lưng gà, miệng an ủi :

— Đừng mồi, con. Chớ có dại. Để chị Trang lượm cái trứng của con.

Cái trứng được nhặt lên, đem nhúng vào thau nước, kỳ cọ một lát và được chuyển tay giữa ba đứa nhỏ. Con Ngân con bé nhất nói :

— Đẹp quá hở anh Đức ? Cái trứng trắng ghê.

— Màu hồng nhạt thế này là trứng gà so đây.

— Gà so là sao hở anh ?

— Là con gà này đẻ lứa đầu tiên đó.

Tiếng cô em ở nhà trên vọng xuống :

— Trứng gà so bồ lấm. Con gà này mới kêu ồ từ hôm kia. Ăn thịt vừa mềm.

BA đứa nhỏ đưa mắt cho nhau, im lặng. Vẻ khó chịu. Thăng Đức nhiu đôi môi, ý chừng muốn bảo : « Cứ nói ăn thịt hoài ». Con Ngân không biết rút rè vì nó nhỏ được tôi chiều hơn hết, nói ngay :

— Đừng ăn thịt nó nghe Ba ?

Có Ngân mở đường, Đức tiếp lời :

— Để nó đẻ, Ba à. Ăn thịt nó tội nghiệp.

Con Bốn, con nhỏ ở chuyên môn nêu ra những sự khó khăn :

— Rồi chuồng đâu mà nhốt nó ?

— Nhốt ở cái giỏ cũng được.

— Lúa đâu cho nó ăn ?

— Nó ăn cơm không được sao ?

Tôi đề mặc cho ba đứa con và con Bốn đối đáp nhau. Tôi không trả lời, không

giải quyết và như thế nghĩa là con gà khỏi bị giết.

Con gà hóa thành người bạn mới của ba đứa nhỏ. Buổi sáng đứa nào cũng tranh nhau ném ruột bánh mì cho gà. Buổi trưa, đứa thì ném cơm, đứa thì vắt rau cho gà mồi. Con gà cũng dạn dĩ với ba đứa. Khi nó đi bên chân Ngân mà Ngân ngồi xuống ôm nó thì nó đứng yên miệng « ừ ừ » khe khe như chỉ phản kháng lấy lệ. Thăng Đức bắt được một con để dúi béo ngày cầm giữa hai ngón tay miệng tức tức gọi nó thì nó vội chạy lại rồi nhảy lên đóp ngay. Thấy con gà đã hóa thành bạn chơi của ba đứa con, tôi cũng lần lần thương nó. Ba đứa con của tôi cần một người túc trực ở nhà để chúng thương yêu. Tôi thì đi vắng luôa mà nếu có ở nhà thì chúng khó lòng chơi đùa với tôi như với một người bạn nhỏ. Con gà mãi hơn một con búp bê nhiều. Con búp-bê chỉ im-lặng và trẻ con phải bắt nó cảm xúc theo ý chúng. Đàng này con gà linh hoạt hơn, ngồi nhìn nó bới đất mồi sâu chạy đuổi theo một con cào cào hay đi lượn thườn trong ánh nắng... lũ trẻ đã thấy vui. Những nỗi vui thay đổi luôn vì con gà có nhiều sáng kiến. Thật cần thiết để lũ trẻ khỏi sống những ngày bằng phẳng, vì thiếu một người mẹ thì cuộc sống trong gia đình không thể không bằng phẳng. Chính người mẹ bày ra cho có việc.

— ... Hôm nay ăn bún chả nhé. Ngân lại ngồi với má tập lật rau. Đây, những lá rau vàng vàng úa úa thế này là phải vất đi đấy. Trang có thể tĩa ca rớt củ cải để ngâm giấm đi. Nhanh lên.

— ... À mùa này có hạt sen tươi đây, món trắng miệng sẽ là chè hạt sen. Trang lo bóc vỏ này. Thăng Đức lấy cái tấm nhỏ mà đây cái ngồi sen đặng ra này. Ừ, có lẽ nên

mua thêm một cái liễn to để đựng xà lách. Lũ nhỏ đã lớn rồi nên chúng đã bắt đầu ăn to.

NHỮNG tiếng nói êm đềm ấy, cái cảnh mẹ con lằng xăng ấy, đã sáu năm nay không có. Riêng bé Ngân thì chưa bao giờ biết được cái cảnh má con lằng xăng nó ra thế nào. Vì khi má mất Ngân chỉ mới biết đứng nhìn. Sống với cha thật gần như sống trong một ký túc xá. Ăn, ngủ, học có giờ. Ngủ và học thì không cần có sáng kiến và cũng chẳng thú gì mấy. Mọi sự thích thú quây quần xung quanh việc ăn mà Ba thì không nghĩ đến còn con nhỏ ở thì vừa không có óc phát minh vừa không biết đề nghị. Tôi nghĩ tội nghiệp cho con mình. Những món ăn : sữa, ca cao, chuối, trứng... quả tình không gây thêm thường bằng mít, xoài, ổi, mực khô... Nhưng những món này tùy mùa mới có và có ai theo dõi đâu mà biết ? Có lần tôi đi làm thấy một người đàn bà bế trên tay một miếng mít vàng mật. Tôi mới chợt nhớ ra rằng hình như không biết đã mấy năm nay rồi lũ con tôi chưa biết mít là gì. Trưa về tôi hỏi.

— Bồn này, sao không mua mít về cho em ăn ?

Con Bồn trả lời tình táo :

— Thầy không dặn con mua mà.

— Tao biết đâu mà dặn ? Ra chợ thấy món gì ngon thì mua cho em ăn chứ tao đâu có ra chợ mà biết.

Con Bồn « dạ » và sau đó ngày nào nó cũng bắt lũ nhỏ ăn mít. Mấy lần tôi ngồi ở hiệu cắt tóc nhìn ra chợ. Bao nhiêu món ăn thay đổi mà chỉ ngồi ở nhà nghĩ tới

tôi chắc không thể kể ra được quá một phần mười.

Con gà cứ tiếp tục đẻ và lũ trẻ cứ lần lượt lấy trứng đem cất chỉ để lại một trứng nơi ổ. Cứ đẻ xong một lứa, nghỉ vài mươi ngày nó lại đẻ lại. Nhưng tới một thời kỳ nào đó, nó cứ nhất quyết nằm trên ổ, — với một quả trứng, — mà không chịu bò ổ nhảy xuống. Trẻ con lại gần thì nó xù lông lên, mồm la cục cục. Con Ngân chạy vào báo cáo.

— Ba ơi, con gà cứ nằm mãi trên ổ, không chịu xuống.

Con Bồn « xi » lên một tiếng.

— Nó ấp mà cũng mét với Ba.

— Ấp gì có một trứng mà cũng ấp, —
Thằng Đức nói.

TÔI giảng cho con :

— Con gà nó phản đối chúng mình.

Trứng nó đẻ mình lấy hết đi nên nó tỏ ý không bằng lòng.

— Mình lấy luôn cái trứng cuối cùng của nó đi xem nó ấp cái gì. Trang đề nghị.

— Dù không có trứng nào, nó vẫn ấp. Đã bảo nó phản đối mà lại.

Con gà mái nằm trên ổ suốt ngày, chỉ trưa nhảy xuống kiếm ăn một lát rồi lại lên nằm. Về mặt nó nghiêm Trang pha một chút giận dữ. Sự kiện mới này xáo trộn cuộc sống bình nhật của ba đứa con. Chúng nó thập thò đi lại đứng ở chuồng gà, lúc thì một đứa đơn chiếc, lúc thì cả ba. Khi có hai đứa hay ba đứa cùng đứng thì chúng chỉ trò và trao đổi ý kiến với nhau. Có lúc thì một đứa giảng giải, hai đứa lắng tai nghe, có lúc thì cả hai đứa tranh nhau nói

dại đột không biết người biết ta. May thay con Tô đã có tuổi, bắt đầu trăm tư nên lười biếng không thèm chấp nhất. Ai quấy rầy thì nó bỏ đi. Chỉ có miếng ăn mới cần phải, đôi khi, tranh giành mà thôi.

MỘ T hôm, Ngân chợt hỏi tôi :

— Con gà mẹ là dì ghê của con vịt hồ Ba ?

— Không phải. Nó là mẹ nuôi con vịt

— Thế má con vịt đâu ?

— Má nó ấp không được nên mình phải nhờ con gà ấp.

— Sao dì ghê lại không nâng niu con chồng hồ Ba ?

— Ai bảo con vậy

Lũ trẻ nó hát đó.

Mẹ gà con vịt chít chiu.

Mấy đời dì ghê nâng niu con chồng.

— À, đó là vì người đặt ra câu ca dao không nhìn rõ một con gà mẹ nuôi bảy vịt con. Sự âu yếm chăm sóc của nó đâu có kém khi nó chăm sóc chính con nó ? Một con vịt chạy ra xa là nó đã vội tức tức gọi về. Ai bắt con vịt lên tay là nó vội chạy tới, quang quác cái mồm ra la, xoè rộng hai cánh, xù lông lên và nhào tới đá liền. Con gà coi bảy vịt đều là con nó, không phân biệt rằng chúng có giống hay khác nó như thế nào.

— Câu hát nói rằng người dì ghê không thương con chồng.

— Đó là chuyện đời xưa. Đời xưa có

nững người đàn bà độc ác không thương lũ trẻ con.

— Đời bây giờ cũng vậy. Bác xích lô chở con đi học hay nói với con như vậy.

Tôi nhìn con gần hơn vừa ôn tồn hỏi :

— Bác ấy nói thế nào ?

— Bác ấy bảo nay mai con sẽ có dì ghê và dì ghê đánh con.

— Không có đâu. Ai lại nỡ đánh con. Con ngoan và học giỏi mà.

— Nhưng mà...

Ngân ngừng nói, cầm bàn tay tôi áp vào má.

—... Nhưng mà... Ba đừng cười dì ghê nghe Ba.

TÔI mỉm cười gật đầu.

Chợt tôi nhìn ra xa mông lung suy nghĩ

Chiều hôm qua tôi vừa nhận được bức thư của Diễm trong đó có đoạn nàng viết :

« Em nghĩ rằng em sẽ thương yêu ba đứa con của anh như con của chính em vậy. Đã yêu anh, em không thấy có sự hy sinh nào là quá sức của em hết. Và lại, « có gì đâu mà gọi là hy sinh ?... »

Vân lay tay tôi :

— Ba nhớ nghe ?

Tôi thần thờ cầm tay con, gật đầu mà không trả lời.

VỖ HỒNG

HÃY ĐỌC

nguyệt san **VẠN HẠNH**
cơ quan phát huy văn hóa Phật giáo

Thế nên «thi ca là việc làm vô lợi nhất» và làm thơ là lời kêu gọi tự nguyện thủy. Nhưng lời thơ không còn mãnh lực kêu gọi nữa khi ngay chính các thần linh lại bắt chúng ta phải thốt nên lời. Các thần linh nói thế nào đây?

Và những biểu hiệu đều là
Thời đại ngôn từ của thần linh xa xăm
vô cùng

LỚ I diễn đạt của thi nhân vốn ở nơi bất chợt khám phá ra những dấu hiệu này để lại trao về cho dân chúng. Nó là một đón nhận và đồng thời cũng là tặng vật mới mẻ, bởi trong dấu hiệu đầu tiên thi nhân đã phân biệt được cái Hoàn tất và bao đạ bày tỏ trong lời thơ những gì thi nhân đón nhận được đề báo trước cái còn chưa Hoàn tất.

Sự xây dựng hữu thể gắn liền với các dấu hiệu của thần linh và lời thơ chỉ là lối phiên dịch tiếng nói của nhân dân (STIMME DES VOLKES). Đó là chữ mà Hoelderlin dùng để gọi các thần thoại, các diễn từ (dict) mà ở đó bản dân phải nhớ đến phần lệ thuộc của mình vào hiện diện trong một cộng đồng. Đôi khi tiếng nói ấy cũng kiệt sức và ngưng hẳn. Nó hất lực, không thể tự mình diễn tả cái chính thực, nó cần có kẻ diễn dịch hộ. Hoelderlin thi ca hóa yếu tính của thi ca không phải ở quan niệm bao hàm một giá trị vượt thời gian, bất biến, vì yếu tính của thi ca đã thuộc về thời gian ấn định rồi. Và nó không hoàn tất y như khoảng thời gian tồn tại trước nó nhưng khi lại tạo lập lần nữa chính yếu tính của thi ca, Hoelderlin đã bắt đầu bằng cách lật định

hóa một thời gian mới lạ. Đó là thời gian của các thần linh vượt thoát và của thần linh nhập về. Đó là thời gian khốn cùng, hiểm nghèo vì nó đánh dấu một thiếu thốn gấp đôi và cũng là một chối bỏ gấp đôi, đây là cái « không còn nữa » của các thần linh vượt thoát và cái « chưa có » của thần linh nhập về.

YẾU tính của thi ca, điều mà Hoelderlin muốn xây dựng, là mực độ cao đẳng có tính chất lịch sử bởi vì nó biện luận trước một thời gian lịch sử nhưng với tính cách yếu tính lịch sử; nó là yếu tính chính yếu độc nhất vậy.

Thời gian khốn cùng quả thật là phong phú cho thi nhân—phong phú đến tưởng chừng như tẻ công lại trong nếp suy tư của người vượt thoát và trong chờ đợi của kẻ nhập về để mở màn thanh thoát trong niềm hư vô phù ảo ấy. Kiên trì với mình như một diêm cô đơn cao thượng tách biệt định mệnh riêng tư của mình, thi nhân thể hiện chân lý cùng với bản dân trong cách biểu lộ, trình diện niềm cô đơn ấy và bởi đó làm sáng tỏ nguồn chân lý. Đó là điều bày tỏ ở đoạn thứ bảy trong bài bi ca «thực phẩm và rượu» bài thơ mà ở đây chúng ta chỉ có thể hiểu và phân tách được bằng mỗi nguồn suy tưởng của tư tư mà thôi.

(WAS IST METAPHYSIK)

CHỮ-THÍCH (1) Đề dịch chữ « WESEN » chúng tôi thường dùng lẫn lộn hai chữ « YẾU TÍNH » và « BẢN THỂ »

(2) & (3) từ chủ của người dịch.

có quên, con nhắc bố, bố không hiểu, con giải thích cho bố; khi bố nằm ngủ, bố để đũa nơi đầu nằm, có gì cần nói, con thổi thè cho bố nghe :

Tú nghe tiếng của quả trứng nở sợ, nở mừng. Sợ vì có một quả trứng lạ ấp rất lâu mà không nở, lại biết nói. Mừng là từ đây, có kẻ nhắc chừng cho học giỏi hơn. Quả nhiên, từ ấy Tú học giỏi lắm, lần đầu đứng đầu cả trường. Đến năm mười bốn tuổi, chàng được tuyển đi đến trường huyện để học. Bởi là khai làm con trai của phú ông, nên vợ chồng ông chủ phải nạp thóc, sắm quần áo, chịu tiền giấy mực, tiền thầy đủ ba năm cho chàng học ở quận. Vợ chồng không biết làm sao thối thác, chỉ có nước làm y như lệ các quan Tàu đã đặt.

Học xong ba năm ở quận, chàng lại được chọn nữa để gởi đi học bên Tàu. Vợ chồng phú ông lại phải đóng thóc, nộp lúa, nộp tiền tổn phí cho ba năm ăn học nữa của « đũa con » mình, thêm phải dọn tiệc đãi đảng quan làng đến « chia vui », vì nhà có phước sanh con thông minh, sắp đỗ đạt làm quan lớn.

○

N NGÀY trước hôm chàng lên đường, bỗng nhiên có bốn con chim bay đến mỗi con ngậm một sợi chỉ dài, ở đầu chỉ cột vào chéo một tấm lụa điều, trên ấy có thêu chi chít những chữ. Mặc dầu Tú đã học thuộc hơn tám ngàn chữ Hán, nhưng chàng không sao đọc nổi những chữ thêu trên mảnh lụa, mà bốn con chim kéo đến

trước mặt chàng rồi kêu « Tú! Tú! Tú! », rồi bay mất. Chàng lật đật chạy đến bên tai rồi hỏi :

Mảnh lụa điều này là gì đây?

— Thừa bố bốn con chim ấy bố quên rồi sao? Ấy là mẹ đẻ của con, hai anh và một chị đó! Từ khi rời bố, mẹ và anh chị từ giả lên rừng. Dân tộc của ta, trước khi bị người phương Bắc đô hộ sống chung một nhà, do đó mà có câu chuyện thần thoại rằng Lạc Long Quân cùng vợ là bà tiên Âu Cơ sanh ra cái bọc trăm trứng, nở ra trăm đứa con. Đến khi có quân đô hộ đến, một phần cam chịu số phận bị trị, ở lại đồng bằng; còn một phần chẳng chịu hàng đầu, rút về rừng núi. Trong thần thoại tượng trưng sự chia đôi dân tộc bằng câu chuyện bà Âu Cơ đất năm mươi đứa con mà lên núi, còn năm mươi đứa con ở lại theo cha.

— Chuyện ấy là chuyện xưa. Còn bây giờ, tại sao có mảnh lụa điều này?

— Từ ấy, những người trốn trên rừng, sống từng bộ lạc. Tú trưởng vẫn gọi là Lạc hầu, con trai được gọi là Quan Lang và con gái được gọi là Mị Nương, phong tục vẫn giữ như xưa, tiếng nói không bị thay đổi, mà vẫn tự vẫn còn nguyên như xưa. Những chữ thêu trên mảnh lụa đó là chữ của dân ta ngày xưa vậy. Còn mảnh lụa này do ai thêu ra? Ấy là của nàng Mị Nương bây giờ. Nàng năm nay tuổi được mười sáu. Kém hơn bố một tuổi. Tuy ở trên rừng

Đời Tần, đời Lương, đời Đường các sứ giả Cao Miên cũng mượn đường biển Cà-mau để qua Trung-hoa.

Người Á rập đã gọi mũi Cà-mau là mũi Lani.

Bao nhiêu bằng cứ trên đây chứng tỏ mũi Cà mau là một con đường queo « quốc tế » đã chứng kiến bao nhiêu cánh buồm của thương thuyền Trung-Hoa, Mã lai, Nam-dương, Ấn-độ, Xiêm La, Mã Lai, Ba-tư thời xưa.

Lúc Gia-long tâu quốc, mũi Cà-mau đã có rải rác người chài lưới. Độc-giã hẳn nhớ chuyện mấy con sấu thần nổi lên cản ngay vàm sông Ông-đốc sông Bồ-đề như báo hiệu có quân Tây Sơn phục kích ngoài biển. Nhờ vậy mà chúa Nguyễn thoát nạn !

Lúc người Pháp mới đến, toàn quận Cà-mau gồm ba tổng, 41 làng với 1225 dân đinh (theo thống kê chính thức)

Tính đồ đồng, mỗi làng 29 dân đinh. Diện tích đất khai thác chỉ chiếm 1 phần 200 (1/200).

Thật ra dân chúng đông đúc hơn nhiều. Chẳng qua là họ tránh sự kiểm soát của Pháp. Vùng biển Cà-mau chuyên về chài lưới vậy mà chỉ có ba chiếc ghe biển chụm ghi vô bộ năm 187 của chính phủ !

QUANH MŨI CÀ MAU

Bây giờ mời bạn cùng chúng tôi đi vòng qua mũi Cà Mau theo đường biển, bắt đầu từ sông Bảy-Háp phía vịnh Xiêm-la.

Gọi là Bảy Háp vì sông này rất nhiều tôm, cứ mỗi con nước, mỗi miệng đáy trúng được bảy (số bảy) háp. « Háp » tức là một đơn vị đo lường ngày xưa, ước chừng một gia (40 lít). Thiết tưởng nếu chỉ có bảy háp thì ít quá. Chắc là bảy háp tôm khô, nghĩa là mỗi con nước được 70 háp tôm tươi...

Ra vàm Bảy Háp đến một vùng sinh lầy đầy cây mắm. Sông Cửa Lớn đổ ngay trên cửa ấy. Vì vậy trên bản đồ chúng ta thấy một hõm sâu vào, khó phân biệt đâu là ranh giữa bùn và đất cứng.

Qua khỏi vàm Cửa Lớn là đến mũi Cà Mau chánh thức. Từ vàm Cửa Lớn đến mũi, bao nhiêu là rạch nhỏ chạy song song nhau. Cứ 5 hoặc 10 thước là một rạch. Tất cả trên ba mươi con rạch chen chúc li ti trên bản đồ. Có lẽ toàn cõi Việt Nam, nơi đây nhiều rạch nhưt.

Mũi Cà Mau nơi chót vót, rộng chừng một cây số bề ngang, nước biển luôn luôn đục ngầu phù sa. Bãi biển dài hằng hai cây số, toàn là bùn.

Trên bãi ấy, cây mắm mọc dài. Chót bãi là nơi mà hột cây mắm mới nứt mầm. Cuối bãi, giáp đất liền, cây mắm đã thành cỏ thợ. Rừng mắm mọc từ dưới lên cao ở xa xem như sườn núi xanh biếc. Hễ đất mới vừa bồi lên cao thì là hột mắm bắt đầu châm rễ.

MẮM là loại cây tạp, un khói rất cay, lá giống như lá bần nhưng xanh đậm hơn. Trái mắm có hột, dùng nấu chè ăn được. Rễ mắm cũng nhỏ lên như loại rễ gió của cây bần.

CẢM động nhứt là chuyện sau đây đã xảy ra ở sông Bồ Đề. Anh nọ đi giăng câu nơi xa nhà, mỗi chuyến đi xa hai ba ngày mới về. Vợ anh ở nhà một mình, bất ngờ bị cảm mạo chết. Phen đó vì giăng câu gặp cá nhiều quá, anh ở nán đến bốn ngày sau. Chùng về đến bến, anh thấy vợ anh xuống đón anh, hỏi han sức khỏe. Anh bảo vợ lên nhà nấu cơm gấp. Người vợ vẫn không chịu đi. Tức mình, anh đuổi vợ. Vợ trở lên nhà mất dạng. Anh chạy theo. Chợt hửi nhầm mùi hôi tanh, anh đốt đuốc lên thấy thi hài của vợ anh trên ván, đã có giới. Lập tức anh bơi xuống chày lại xóm gần đó kêu cứu vì anh hiểu rằng người vợ này giờ chỉ là bóng ma. Bơi xuống sáng đêm đó, anh đến xóm

người Miên, vừa bước lên là một ngã xiu.

Anh liền đốt nhà, thiêu luôn xác người vợ bạc phước.

Đây là một trong muôn ngàn khó khăn của người dân xung phong xuống mũi Cà Mau để tìm kế sinh nhai.

Nhưng đó là những hình bóng cũ!

Vì ngày nay, tình thế khác hẳn. Việc sinh nhai được canh tân hơn. Và từng phút từng giây, mũi Cà Mau cứ tiến ra vịnh Xiêm la, hình dạng nó luôn luôn biến đổi, vài chi tiết không còn giống như chúng tôi đã viết lại trong bài này.

SƠN NAM

Bạn yêu thơ nên tìm đọc :

HÀNH HƯƠNG

Thơ của TRỤ VŨ

Có những tập thơ tự nhận là thơ đạo chỉ vì trong các tập thơ ấy có những danh từ niết-bàn, giải thoát, từ-bi, luân-hồi, đầu-suất, vân vân. Nhưng mà trong nội dung tôi thấy những tập thơ đó không có gì gọi là đạo cả. Trái lại, tập thơ bạn cầm trong hai tay đây quả thực là một tập thơ đạo. Bạn không tin thì xin đọc đi. Trụ-Vũ có khóc, có cười, có buồn, có giận. Anh khóc, cười, buồn, giận, dề mà càng yêu càng thương cuộc đời. Nhìn thấy thế-hệ ngày mai đương lên, khô héo quằn quại, " không sân, không vườn, không cây, không cỏ, không mặt trời mặt trăng, không bông hoa cửa sổ ", anh đau lòng hét lên :

trước đau thương của cả thế hệ ấu mà

tôi hỏi tôi làm chi đó ?

Ý-thức tự-giác, tôi thấy bừng sáng như một làn chớp giạt. Thế-hệ con cháu của chúng ta sẽ ra sao, nếu hôm nay ta không làm được chi cho cuộc đời ?

(TRÍCH LỜI TỰ)

LÁ BỐI xuất bản

120 trang, giá 45 đồng

đánh mất hồn nhiên của em dâu. Có phải người lớn đã cướp giạt hồn nhiên của em dâu. Chính là cuộc đời, chính là những khuôn khổ, chính là sự tàn phá khốc hại của "guồng máy".

NHỜ biến cố xảy ra cho đất nước trong mấy mươi năm vừa qua đã làm cho tình trạng trầm trọng hơn lên. Chiến tranh đã tàn phá. Máu chúng ta đã đổ. Vấn đề quốc gia trở thành một vấn đề quốc tế. Một số trong chúng ta mang nặng mặc cảm nhược tiểu, bất lực. Trong hoang mang khổ đau, chúng ta nhận thấy gia sản tinh thần của cha ông chúng ta đã mất đi rất nhiều giá trị và hiệu lực trong cuộc sống mới. Những nguyên tắc của đạo làm người, xưa tưởng như là bất di bất dịch, nay đã tự chứng tỏ là những giáo điều không còn phù hợp với tâm trạng và hoàn cảnh con người thời đại. Nền tảng của sinh hoạt gia đình cũ và của lễ giáo cũ đã bị lung lay. Chúng ta chưa kịp rút được trong truyền thống tinh thần của dân tộc ra những chất liệu cần thiết để tạo dựng cho chúng ta một nhân sinh quan mới thích hợp với tâm trạng và hoàn cảnh mới, thì những khắc khoải những đố vỡ của văn minh Tây Phương đã lại tràn sang như những đợt sóng vỡ bờ tàn hại. Một số lớn các bậc phụ huynh không hiểu được nguyên do căn bản của cuộc khủng hoảng đã quy hết tội lỗi về cho thế hệ trẻ. Họ nói đến sự suy đồi của đạo lý. Họ nói đến tuổi trẻ như

tuổi của ăn chơi, của tinh thần vô trách nhiệm. Họ chứng kiến sự suy sụp của nền tảng gia đình cũ và cứ cố níu lại một cách tuyệt vọng thứ uy quyền mà ngày xưa đã từng là một giá trị tuyệt đối trong gia đình — một giá trị được đạo lý và luật pháp bảo đảm. Thứ uy quyền đó đã mất rồi, không phải vì các bậc phụ huynh không biết xử dụng nó, cũng không phải vì các con em cố tình chống lại nó, mà tại vì nền tảng kinh tế của gia đình đã thay đổi một cách đáng kể. Cá nhân bây giờ không còn là cá nhân trong chế độ gia đình cũ. Phong tục, tập quán, luật pháp và kinh tế xưa không cho phép cá nhân tồn tại ngoài gia đình — hạnh phúc của cá nhân và của gia đình liên hệ tới nhau một cách mật thiết, và cá nhân chỉ có thể có hạnh phúc trong phạm vi gia đình của mình. Thời đại của Tự Lực Văn Đoàn đã chứng kiến thâm kịch của sự vùng vẫy của cá nhân để thoát ra khỏi những kèm tỏa của gia đình. Từ ngày kỹ nghệ và thương mại chiếm được địa vị trên trường kinh tế, nhu yếu giải phóng ấy càng ngày càng thêm rõ rệt, càng cấp bách. Gia đình ngày nay, ai cũng biết, không còn giống như gia đình ngày xưa ; vì vậy uy quyền và trách nhiệm phụ huynh phải được quan niệm lại để có thể trở nên phù hợp và hữu hiệu. Cố níu lấy thứ uy quyền cũ, cố xử dụng thứ uy quyền mà thực ra bây giờ mình không có, các bậc phụ huynh chỉ làm cho con em xa lánh mình và do đó cắt đứt những giây liên lạc cảm thông với chúng. Trong thời đại này của chúng ta, ai

cũng có một tâm sự đa đoan, ai cũng là nạn nhân của những biến cố những tệ đoan xã hội. Sự giao tiếp với thế giới con người trở nên phức tạp ; cũng đứng trong guồng máy tranh chấp, con người dần dần trở nên nguồn khổ đau cho nhau. Con người không xường họa hòa hợp với nhau nữa mà phải vùng dậy lấn áp nhau, dè bẹp nhau. Hoàn cảnh kinh tế chính trị văn hóa xô đẩy con người đi vào cái thế địa ngục của nhau. Những nét nhăn trên trán, những bực dọc thường nhật, những cau có gắt gỏng ấy vô tình chúng ta đem về nhà để làm cho không khí của gia đình căng thẳng. Ai cũng có một thế giới lo âu riêng và không có đủ thì giờ lo nghĩ và săn sóc đến người khác, dù người khác ấy chỉ là người trong gia đình. Mỗi người là một thế giới một vũ trụ, một hoang đảo. Mỗi người có một vỏ cứng bao bọc chung quanh. Những bực dọc những cau có kia lách vào giữa mọi người và càng lúc càng tách xa người này với người khác. Chúng ta có cảm giác cô đơn thực sự, và tệ hại hơn nữa là cảm giác ấy trong khi chung đụng với những người thân yêu(?) trong gia đình, lại càng rõ rệt hơn bao giờ hết.

CHÚNG ta rút vào trong cái vỏ của chúng ta với ước mong được yên thân. Nhưng chúng ta không được yên thân hơn chút nào: Đối diện với niềm cô đơn của chúng ta, đối diện với chính chúng ta, chúng ta không đủ sức để chịu đựng. Con trai thì leo lên xe gắn máy đi tìm một thằng bạn, bắt cứ thằng bạn nào, để rồi cùng vào

ngồi nơi một quán nước, trao đổi vài câu chuyện, nhìn người đi kẻ lại qua khói thuốc của mình. Con gái thì khoác vào một chiếc áo dài, xuống phố theo đám đông trôi xuôi hai bên bờ đại lộ. Các em trốn không khí gia đình tìm đến nơi đám đông để rồi lại từ đám đông trở về với cái cô đơn của mình. Các em không có bản lĩnh thực sự cho nên các em không dám đối diện với cái cô đơn ấy. Và các em phải thường trực trốn chạy, trốn chạy sự cô đơn, trốn chạy chính bản ngã của các em.

Trong khi đó, oán ghét gia đình em phải bám lấy gia đình, oán ghét học đường em vẫn phải chui đầu vào lớp học. Em vẫn phải học, phải thi, phải đỗ, phải kiếm việc làm. Không tin ở giá trị những việc em làm, em có mặc cảm rằng em giả dối. Em không thừa nhận những bằng giá trị hiện tại nhưng em vẫn phải phục tùng chúng. Em vẫn phải phục tùng, vì những lý do thật giản dị: em phải ăn em phải mặc em phải ngủ, nói tóm lại em có những nhu cầu ngũ uẩn phải được thỏa mãn. Có phải chính bị kịch của con người là ở chỗ vừa phủ nhận vừa phải phục tùng những ước muốn ác liệt của số phận không? Mà số phận là gì nếu không phải là những gì do con người tạo ra bây giờ đã trở lại khống chế con người?

Tôi cũng như em, tất cả chúng ta đều có một hệ thống thần kinh cần được giữ cho tương đối thăng bằng, tất cả chúng ta đều có những nhu cầu trí tuệ tình cảm sinh lý thông thường, tất cả chúng ta đều phải được nuôi

những em thương anh + hướng anh
cho sống phải - cho đi
những em + thương anh + hướng anh
cho em bay (chôn vùi)
những em + thương anh + hướng anh
cho em tan im tiếng
những em + thương anh + hướng anh
cho em sống và khi (mệt)

3.- Đì lại cho em cảm khó quên nghe
Dù xây mình ta mãi mở phi thiên
một bàn tay thơm mùi đất,
một bàn tay hoa màu xám
Đì lại cho em một tâm hồn tham
Đì lại cho em hàng phố lên đèn
Bàn tay trắng như một bàn bụi đen
Là buồn rơi trong túi tim
Giữ mãi gian nan tim tuyệt
Đì lại cho em già đời đi đến
những em + thương anh + hướng anh
Em đến nhân gia tại
những em + thương anh + hướng anh
ta cũng gọi sức mới
những em + thương anh + hướng anh
Xin nhân lời cuối đời
những em + thương anh + hướng anh
Đì tim lời thoát cho nhau.



tay chống nạnh lên hông, vợ tôi có lẽ như lo sợ một việc gì. Suốt đêm nàng thì thầm với tôi. Nàng đã nói nhỏ với tôi: «Hãy bỏ chỗ này và đưa tôi đi sống một nơi nào đó một mình, chỉ có anh với tôi và những đứa bé mà thôi» Tôi trả lời «Vâng», bởi vì tôi muốn ngủ. Tôi không biết do đâu và tại sao nàng lại có ý nghĩ chúng tôi sẽ đi và sống một mình.

Khi tôi chải đầu xong, tôi ngồi trên sàn nhà và chị dâu mang thức ăn đến cho tôi trên một cái khay. Có thể cho là lạ rằng chị dâu phải dọn ăn cho tôi và không phải là vợ tôi, nhưng trong gia đình chúng tôi là vậy. Người quen mang cơm nước cho tôi là mẹ tôi, ngay cả sau khi tôi đã cưới vợ; bà quyết không bao giờ cho vợ tôi làm cho tôi việc này, dù vợ tôi rất muốn. Rồi, khi mẹ tôi quá già, chị dâu bắt đầu dọn cơm cho tôi. Tôi biết rằng vợ tôi cảm thấy đau đớn sâu đậm bởi việc này, nhưng nàng không dám nói gì cả. Mẹ tôi không chú ý nhiều đến bất cứ việc gì nữa, trái lại, chắc chắn nàng muốn không cho chị dâu tôi dọn ăn cho tôi; nàng luôn luôn rất ghen tức cho đặc ân này của nàng, mặc dù nàng không bao giờ chú ý đến người hầu hạ anh tôi. Bây giờ mẹ tôi trở nên quá già nua, bà có thể rất ít lần xem xét bất cứ việc gì, và phần lớn thì giờ bà ngồi bên cạnh những cái rương của gia đình, xếp và vuốt ve những miếng vải cũ của bà. Nhiều năm cho đến giờ bà chỉ lo tập trung những miếng vải. Một ít trong số vải đó rất cũ và bẩn thỉu, nhưng bà không chú ý đến, bà yêu quý chúng bằng nhau. Không ai được phép mó đến chúng. Một lần có cuộc cãi nhau dữ dội vì vợ tôi đã lấy một trong những miếng vải đó may mặc cho con tôi. Mẹ tôi la hét lên—nghe bà la thật kinh khủng: Rồi từ lúc đó, bà không bao giờ thích vợ tôi—và vợ tôi rất sợ hãi, khóc than và cố nài nỉ xin lỗi bà. Tôi đánh nàng một bạt tai trên mặt, không mạnh lắm, nhưng không đánh không được vì tôi chỉ cốt làm hải lòng mẹ tôi mà thôi. Bà

già ngồi im lặng rồi ra phía sau xếp và vuốt những miếng vải của bà.

S UỐT lúc tôi đang ăn, tôi có thể cảm thấy chị dâu chăm chú nhìn tôi mỉm cười. Điều đó làm tôi khó chịu. Tôi cho rằng chị ta mỉm cười vì chị biết tôi sẽ không tìm được việc làm dù tôi phải đi và được dự cuộc khảo sát. Tôi cũng biết tôi sẽ không được việc, nhưng tôi không thích nụ cười của chị ta như cách đó, như thế chị ta nói: «Dượng thấy đó, dượng sẽ luôn luôn phải tùy thuộc với chúng tôi.» Bồn phận của anh tôi rõ ràng là nuôi tôi và gia đình cho đến khi tôi có thể tìm được việc và góp đồng lương của tôi cho gia đình. Không cần chị ta phải cười về việc đó. Nhưng sự thực là tôi lệ thuộc với chị ta hơn bất cứ người nào khác. Từ khi mẹ tôi quá già, chị dâu tôi càng ngày càng trở nên quan trọng nhất trong nhà vì vậy chị ta giữ cả những chiếc chìa khóa trong nhà và vật dụng tích trữ của gia đình. Thoạt tiên tôi không thích việc này. Từ hồi mẹ tôi trông nom việc gia đình, tôi chắc chắn được thêm những món ngon vật lạ. Nhưng bây giờ nhận thấy rằng chị dâu cũng rất tử tế với tôi—rất nhiều hơn là đối với chồng chị ta. Chị không dành miếng ngon vật lạ cho chồng, cũng không cho con chị, nhưng dành cho tôi; và khi đưa chúng cho tôi chị không nói lời gì tôi cũng không bao giờ nói gì, nhưng chị mỉm cười và lúc bấy giờ tôi cảm thấy bối rối và khá luống cuống. Vợ tôi cũng đã chú ý những gì chị ta làm cho tôi.

Tôi nhận thấy rằng giới phụ nữ thường thường tốt với tôi. Tôi nghĩ rằng họ nhận ra tôi là một người khá đa cảm và vì vậy tôi phải được đối xử rất dịu dàng. Tôi là đứa con nhỏ nhất của mẹ tôi, nhỏ hơn anh tôi mười lăm tuổi và là anh kế của tôi (bà có nhiều con giữa hai chúng tôi nhưng tất cả họ đã chết). Ngược lại thời gian khi tôi còn là một đứa bé, bà hiểu rằng

ôi cần nhiều đến sự săn sóc và âu yếm hơn những đứa bé khác. Bà luôn luôn đề tôi ngủ bên bà về đêm, ban ngày tôi thường ngồi với bà và bà nội tôi và bà cô góa của tôi, những người này cũng rất hãnh diện với tôi. Khi tôi lớn hơn, cha tôi thỉnh thoảng muốn đem tôi giúp việc trong gian hàng nhỏ của ông (ông có một gian hàng nhỏ, nơi đây ông bán đậu. biền, gạo, thuốc hút rẻ tiền và rượu mạnh vô chai) nhưng mẹ tôi, nội tôi và cô tôi không bao giờ thích cho tôi đi. Một lần ông đem tôi đi và ông bảo tôi trút một số đậu biền ở ngoài bao giấy vào trong một cái hộp thiếc. Tôi thích trút những hạt đậu biền đó. Chúng gây một tiếng động dễ thương, khi chúng lăn vào hộp thiếc, nhưng thỉnh linh mẹ tôi đến và rất giận dữ với cha tôi vì bắt tôi làm việc này. Bà lập tức bắt tôi về nhà và khi bà kể cho nội và cô tôi nghe những gì đã xảy ra, họ phát nhẹ tôi, hôn tôi và rồi họ cho tôi ăn bánh chiên lăn bột nóng. Quả thế, ngay từ thời thơ ấu tôi đã là một người cần rất nhiều thanh bình và yên tĩnh, và chân tôi khá mảnh dẻ hơn bất cứ người nào khác nữa. Tôi thường cố gắng cất nghĩa điều này cho vợ tôi, nhưng nàng kém thông minh, nên hình như nàng không hiểu mấy.

Bây giờ vợ tôi đang nhìn tôi trong khi tôi ăn. Nàng ngồi chồm hồm trên sàn nhà, tắm rửa đứa con nhỏ nhất của chúng tôi; đầu đứa nhỏ trong lòng nàng và tất cả người ta có thể thấy phía sau chân và phía dưới trần trường. Vợ tôi không nhìn tôi bằng con mắt mở to như chị dâu tôi; chị chốc chốc nàng giương cặp mắt về phía tôi, tôi có thể cảm thấy nó, và chúng thực rất lo lắng và ảo não. Nàng cũng đang nghĩ về việc tôi tiếp tục dự cuộc khảo sát nữa, nhưng lo lắng tôi sẽ đương đầu việc đó. « Chúng ta sẽ đi và sống một nơi nào đó một mình » nàng đã nói. Tại sao

nàng nói đến việc đó ? Khi nàng biết rằng điều ấy không thể được và không bao giờ sẽ được như vậy.

VÀ dù cho nó có thể được đi nữa, tôi không muốn thích nó. Tôi không thể sống xa mẹ tôi; và tôi không nghĩ rằng tôi sẽ sống xa chị dâu tôi. Tôi thường chăm chú nhìn chị và việc này làm tôi hạnh phúc. Dù ngay đến khi chị ta không còn trẻ nữa, chị ta vẫn còn đẹp. Chị ta vóc người cao ráo với cặp mông to, cặp ngực lớn và cặp mắt sáng, chị ta giận dữ luôn, và khi chị nổi giận, chị ta đẹp hơn bao giờ hết. Lúc bấy giờ cặp mắt chị giống như ngọn lửa và chị ta phô bày hàm răng cứng, chắc, trắng và chị kiêu hãnh với mái tóc quấn đen mun của chị. Vợ tôi thì không có chi là đẹp cả. Tôi rất thất vọng với nàng khi họ mới cưới nàng cho tôi. Bây giờ tôi đã quen với nàng và ngay cả việc tôi thích nàng nữa, bởi vì nàng tốt thật, thùy mị và không bao giờ làm phiền tôi chi cả. Tôi không nghĩ bất cứ ai khác trong nhà thích nàng nữa. Chị dâu tôi luôn luôn gọi nàng là « người đẹp đó ! » nhưng ý chị ta không cho là vậy, chị luôn luôn bắt nàng làm mọi việc khó khăn nhất trong gia đình, và chị ta thường la lối nàng và ngay đến việc đánh nàng nữa. Việc này không phải là quyền hạn của chị ta; vợ tôi đã không bao giờ phiền chị bất cứ việc gì — trái lại, nàng luôn luôn đối đãi chị ta một cách tôn kính. Nhưng tôi không thể xen vào những chuyện cãi nhau của họ.

Rồi tôi đã sẵn sàng đề đi, mặc dù tôi không muốn đi. Tôi biết khá tường tận về những gì sẽ xảy ra ở cuộc khảo sát. Mẹ tôi chúc lành cho tôi, và chị dâu nhìn tôi qua vai chị, cặp mắt chị chiếu sáng với nụ cười. Tôi không nhìn vợ tôi, nàng vẫn còn đang ngồi chồm hồm trên sàn nhà, nhưng tôi biết nàng cãi với tôi về việc sở làm giống như nàng đã cãi với tôi trong đêm.

Khi tôi bước xuống thang gác, cô con gái của bác thợ mộc, ở trong một phòng từng dưới, bước ra cửa và cô ta đi lên thang gác khi tôi đi xuống, cô đi rất sát bên tôi, với cặp mắt ngó xuống nhưng tay cô vừa đung cánh tay áo sơ mi của tôi. Cô luôn luôn đợi tôi đi ra và lúc bấy giờ cô đi qua mặt tôi trên thang gác. Chúng tôi không bao giờ nói chuyện với nhau. Cô ta là một cô gái rất trẻ, cặp vú của cô chỉ vừa mới nảy nở, cô mặc chiếc áo khoác ngắn tay, hai cánh tay cô rất đẹp, thon dài và mỏng manh. Tôi nghĩ ít lâu nữa cô ta sẽ làm lễ cưới; tôi nghe chị dâu tôi nói như vậy. Chị dâu tôi cười khi chị ta nói với tôi, chị nói: «Còn duyên kẻ đón người đưa đó!» và rồi chị nói một vài điều thô lỗ. Có lẽ chị ta chú ý cô gái đợi tôi đi qua trên thang gác.

Không, tôi không muốn đi tới cuộc khảo sát. Tôi đã làm vậy nhiều lần trong khoảng vài tháng trở lại đây, và luôn luôn với những việc tương tự xảy ra. Tôi biết tôi phải làm việc, để kiếm tiền và đưa cho mẹ tôi hay chị dâu lo cho gia đình, nhưng không thú vị gì cho tôi trong công việc. Mới đây tôi có làm trong một hãng bảo hiểm, suốt ngày họ bắt tôi ngồi ở bàn và viết những con số. Sướng ích chi mà bắt tôi làm ở đó? Tôi là một người rất hay nghĩ ngợi và tôi thích luôn luôn ngồi nghĩ với tư tưởng của riêng tôi, nhưng trong khi tôi trầm ngâm nghĩ ngợi, thỉnh thoảng tôi làm lộn những con số và rồi xếp tôi rất giận dữ với tôi. Tôi luôn luôn sợ sự giận dữ của ông ta, tôi xin ông tha thứ và hứa rằng tôi không phạm lỗi nữa. Khi họ đã tha tôi, tôi không còn sợ gì nữa và tiếp tục làm việc và suy nghĩ theo tư tưởng của tôi. Nhưng lần sau họ không tha thứ cho tôi nữa, mặc dù tôi nài nỉ, van xin, và khóc lóc của một người có lỗi, một người xấu xa ra sao và họ là những người tốt bụng như thế nào họ ở trong cảnh ngộ tôi sẽ ra sao khi tôi có

cha già mẹ yếu và tôi chỉ trông cậy vào họ mà thôi để lo đời sống của các con tôi ra sao. Nhưng khi đó họ vẫn nói rằng tôi phải đi, tôi thấy rằng công việc ở đó đã thực sự chấm dứt và tôi không khóc nữa. Tôi đi vào phòng tắm chải tóc, gói xà bông trong cái khăn lông rồi tôi lãnh tiền ở phòng kế toán, không một lời tôi rời bỏ sở làm với cặp mắt nhìn xuống. Nhưng tôi không lo sợ lâu, vì cái gì đã hết là hết và anh tôi vẫn còn làm việc, chắc chắn một ngày nào đó tôi sẽ kiếm được việc khác.

Thế là từ lúc đó anh tôi cố gắng đưa tôi vào làm việc ở công sở. Anh tôi là một thư ký công sở, vui vẻ với nhiều sự tiến bộ của anh ta: mỗi năm anh ta được tăng thưởng mười ru-pi và hằng năm được nghỉ mười ngày có lương và khi anh ta về hưu anh ta sẽ được lãnh tiền hưu bổng. Cũng rất tốt cho tôi có được một chỗ làm như thế; nhưng khó mà vào được, bởi vì trước tiên phải qua một cuộc khảo sát mà những người trình trọng ngồi ở bàn và hỏi nhiều câu hỏi. Tôi sợ họ và tôi không thể hiểu một cách thích đáng những gì họ nói, để tôi trả lời những gì tôi cho rằng họ muốn tôi trả lời. Nhưng dường như những câu trả lời của tôi không trúng lấy một câu, bởi vậy, cho đến nay họ vẫn không cho tôi một chỗ làm.

Trên đường tới dự cuộc khảo sát này tôi nghĩ thay vì được đến xem chiếu bóng thì đẹp hơn biết bao nhiêu. Nếu tôi có hai mươi đồng có lẽ tôi sẽ đi, lúc đó vừa đúng giờ chiếu xuất sáng. Những anh thư ký trẻ và các sinh viên, học sinh giờ này chắc đang xếp hàng nối đuôi nhau ngoài rạp xi-nê. Họ sẽ đứng đó và không nói chuyện gì mấy, tay cầm hai mươi đồng đợi phòng bán vé mở cửa. Tôi khoái những buổi chiếu xuất sáng này, có lẽ vì người đến xem xuất này tất cả đều trẻ giống như tôi, tất cả đều im lặng và khá buồn. Tôi cũng luôn luôn buồn! Có thể nói được một cách đúng rằng lúc nào tôi cũng buồn. Nhưng khi phim bắt đầu chiếu thì

tôi sung sướng. Tôi rất thích xem những nàng phụ nữ đẹp để y phục lộng lẫy với những đôi bông tai nặng, vòng đeo cổ và những chiếc vòng đeo đầy tay, những người tình nhân lịch sự của họ là tất cả những gì tôi thích được như vậy. Và khi họ hát lên những bài tình ca, đầy những rung cảm sâu đậm đường ấy, thỉnh thoảng những dòng lệ ràn rụa trong mắt tôi! Nhưng không phải vì tôi buồn, nhưng trái lại, vì tôi quá đổi hạnh phúc. Sau khi cuộn phim hết tôi không bao giờ đi thẳng về nhà, nhưng tôi đi quanh quẩn trên đường phố và nghĩ về việc làm thế nào để có thể có một đời sống tuyệt diệu.

Khi đến chỗ cuộc khảo sát, tôi phải đi xuống nhiều hành lang và hỏi đường với mấy người tùy phái để tôi có thể tìm đúng gần phòng đó. Những người tùy phái đều vô lễ với tôi, vì họ biết tôi đi trễ. Họ nằm dài trên những cái băng ngoài sờ và khi tôi hỏi, họ nhìn từ đầu đến chân trước khi trả lời, và đôi khi họ lấy tôi làm trò hề với một người khác. Tôi rất lịch sự với họ, dù họ chỉ là những tên tùy phái mà thôi, họ mặc đồng phục làm việc và tùy thuộc nơi đây, họ biết bất cứ con đường nào đúng mà tôi không biết. Sau cùng tôi đã đến gian phòng nơi tôi phải chờ đợi. Nhiều người khác đã ngồi ở đó, trên những chiếc ghế quanh gian phòng quay lưng lại vách tường. Không ai nói chuyện. Tôi cũng ngồi trên chiếc ghế và sau đó một chút, viên công chức cầm danh sách đến và y hỏi lên nếu có ai đi đến trễ nữa không. Tôi đứng dậy và y hỏi tên tôi rồi y nhìn xuống bản danh sách đoạn ghi dấu với cây bút chì. Y nói với tôi một cách rất nghiêm khắc. Tại sao anh đi trễ? Tôi xin lỗi và nói với y rằng chuyến buýt tôi đi đã xảy ra một tai nạn. Y nói khi được gọi đến khảo sát ông phải đến thật đúng giờ nếu không tên ông bị xoá bỏ trong danh sách. Tôi lại xin lỗi và rất khép nép xin y đừng loại bỏ tôi lần này. Tôi biết rằng tất cả những người khác đang

nghe, dù không ai trong bọn họ nhìn chúng tôi. Y rất nghiêm khắc với tôi và ngay cả việc khinh bỉ tôi, nhưng cuối cùng y nói, «Hãy đợi ở đây, khi tên ông được gọi, ông hãy đi vào lập tức».

Tôi không đếm số người đang chờ đợi trong phòng, nhưng có nhiều người. Có lẽ có một việc dễ dàng, có lẽ hai hoặc ba. Tôi biết rằng tất cả những người khác rất lo lắng, hồi hộp để được chỗ làm, bởi vậy tôi cũng trở nên lo lắng và hồi hộp nữa. Những bức tường trong gian phòng được sơn xanh mỗi bên trên và màu trắng trên trần nhà hoàn toàn trơn trượt. Chiếc quạt máy không quay nhanh đủ để có nhiều gió mát. Cuộc khảo sát tiếp tục đằng sau cánh cửa lớn, người này đến người kia sẽ lần lượt được gọi đến sau cánh cửa đóng này.

Tôi bắt đầu lo lắng hết hy vọng. Việc này luôn luôn xảy ra như thế khi tôi đến cuộc khảo sát, tôi không muốn công việc gì cả, nhưng khi tôi thấy tất cả những người khác chờ đợi và lo lắng, tôi muốn nó một cách kính khùng. Tuy vậy, đồng thời tôi biết rằng tôi không muốn nó. Nó sẽ chỉ là làm lại một công việc tương tự mà thôi: ghi chép những con số và làm lẫn lộn và rồi sợ sệt khi họ tìm ra. Và sẽ có một ông xếp mà tôi sẽ phải rất cung kính và mỗi lần tôi thấy ông ta hay nghe giọng nói ông ta tôi bắt đầu ngại rằng ông ta sẽ tìm ra một việc gì đó chống lại tôi. Vì nhiều tuần nhiều tháng tôi phải ngồi và viết những con số, mỗi mệ hơn vì công việc đó, đến nỗi tôi càng ngày càng nghĩ đến tư tưởng của riêng tôi. Rồi việc làm lẫn sẽ đến và ông xếp tôi sẽ rất giận dữ và tôi sợ hãi.

Anh tôi không bao giờ làm gì lẫn lộn. Bởi vì nhiều năm anh ngồi nguyên trong một sờ làm, ghi chép các con số và cung kính ông xếp của anh ta: anh ta rất tập trung tinh thần cho công việc, bởi vậy anh ta không làm chi lẫn lộn. Nhưng suốt cả thời

gian đó anh ta cũng sợ sệt, nghĩa là tại sao anh ta đã quá tập trung vào công việc đến thế — vì anh sợ rằng anh sẽ làm lẫn lộn và họ sẽ giận dữ với anh và cho anh nghỉ việc. Lúc nào anh ta cũng sợ sệt điều này. Và anh ta có lý: việc gì sẽ xảy ra cho tất cả chúng tôi nếu anh ấy cũng mất việc? Trường hợp đó không giống với tôi. Tôi nghĩ tôi sợ mất việc chỉ vì đó là một điều mà người ta tin rằng đáng sợ. Khi tôi thật mất nó, tôi đã thực sự được khuấy khỏa. Nhưng tôi rất khác anh tôi; ngay cả hình dạng tôi cũng rất khác. Sự thực, anh ta lớn hơn tôi tới mười lăm tuổi, nhưng ngay khi anh ở vào tuổi tôi, anh không bao giờ có vẻ gì giống tôi. Sự xuất hiện của tôi luôn luôn hấp dẫn các kẻ khác và cho tới lúc tôi đã cưới vợ, mẹ tôi vẫn thường vuốt tóc vuốt mặt tôi và nói nhiều lời dịu dàng âu yếm với tôi. Một lần, khi tôi đang trên đường từ trường học tới hàng ba-za, có một người gọi tôi rất dịu dàng và khi tôi đến, y cho tôi một trái xoài chín rồi y dắt tôi vào hành lang tối tăm dẫn đến một cái nhà thờ đạo Hồi Hồi bỏ hoang và y sờ dưới áo quần tôi và nói: « Em thật là đẹp, đẹp quá » Y rất tử tế với tôi. Tôi thích mặc áo quần đẹp đẽ, thứ nhiều thật trắng, mỏng vừa mới giặt, ép hồ cứng và có thêu thùa ở trên vai. Thỉnh thoảng tôi cũng dùng nước hoa, thứ mùi dịu dàng, tóc tôi cũng chải dầu có mùi như thế. Vài năm trước đây, khi cô con gái bác thợ mộc vẫn còn là một con bé và không đợi chờ tôi trên nấc thang lầu, có một cô gái ở hiệu may đối diện nhà tôi và cô ta thường quen theo sau tôi khi tôi đi ra ngoài. Nhưng đó là một người vợ đẹp mà anh tôi đã kết hôn, và vợ tôi thì không có gì là đẹp cả. Anh tôi không có hạnh phúc với vợ; khi chị ta nói với anh ấy, chị nói một cách gắt gỏng, nghiêm khắc; và đến thức ăn ngon lành mà chị đề dành không phải dành cho anh ấy, nhưng cho tôi, dù rằng tôi đã không mang tiền bạc về nhà trong nhiều tháng.

Cánh cửa lớn đóng đã mở ra và người được khảo sát đi ra ngoài. Tất cả chúng tôi chăm chú nhìn y, nhưng y hết sức vội vã đi ra ngoài, biểu lộ vẻ lo lắng bận tâm trên gương mặt; chắc chắn y đang hồi tưởng lại tất cả những gì y đã nói ở cuộc khảo sát. Tôi có thể cảm thấy sự áy náy, hồi hộp trong những người khác mạnh hơn, bởi vậy tôi cũng áy náy, hồi hộp mạnh hơn nữa. Viên công chức đến với bản danh sách và tất cả chúng tôi nhìn y. Y đọc một tên khác và người có tên được gọi nhảy nhồm lên từ cái ghế và hấn tự hỏi tại sao hấn không thể đi xa hơn. Khi hấn nhận thấy việc gì đã xảy ra hấn cố gắng gỡ chiếc đinh ra, nhưng ngón tay run đến nỗi hấn không thể gỡ chiếc xà rồng ra khỏi cây đinh. Viên công chức nhìn hấn ta và nói « Nhanh lên nào, ông có nghĩ rằng các nhà tai mắt sẽ đợi ông lâu đến chừng nào mới gỡ xong? » Rồi hấn cũng làm rơi chiếc dù hấn đang mang và bây giờ hấn cố gắng cả hai việc gỡ đinh mắc xà rồng và nhặt cây dù. Khi hấn ta có thể nói lòng chiếc xà rồng hấn trở nên thất vọng vì hấn đã xé rách miếng vải và dứt bật nó ra. Thật đáng thương thấy chiếc xà rồng rách, vì đó là một chiếc xà rồng mới, mà chắc chắn hấn ta mới mặc lần thứ nhứt đặc biệt cho cuộc khảo sát. Hấn ôm chiếc dù vào ngực và hết sức vội vã đi tới phòng khảo sát với chiếc xà rồng treo lên chân hấn và mặt hấn phồng lên với vẻ luống cuống và rối loạn.

Tất cả chúng tôi ngồi và chờ đợi. Chiếc quạt máy, hình như là một loại cũ gây tiếng động ồn ào. Có một người bẻ ngón tay — rắc, chúng tôi nghe, rắc. (những ngón tay dài của tôi bóp vào nhau nó cũng kêu rắc rắc nữa). Tất cả chúng tôi đều rất yên tĩnh. Chốc chốc viên công chức vô phòng với bản danh sách, y đi quanh gian phòng rất chậm rãi, đập khế lên bảng danh sách và lúc bấy giờ tất cả chúng tôi nhìn xuống chân và người mà y bẻ ngón tay kêu rắc rắc

ngừng không làm nữa. Một giọng nói yếu ớt đã được che đậy vọng đến từ phía sau cánh cửa đóng. Thình thoảng giọng đổ cất lên, nhưng rồi ngay cả tôi cũng không thể biết nói gì, dù tôi hết sức lắng nghe.

Cuộc khảo sát trước lần này rất bức bối cho tôi. Một trong những người khảo sát đó không thích tôi và y la tôi rất lớn. Y là một người mập phì và mặc quần áo kiểu Anh, hàm răng y hoàn toàn vàng khè, khi y nổi giận và la lối, y phò bầy chúng ra tất cả, và ngay cả tôi dù tôi rất lúng túng, tôi không thể giúp gì việc nhìn chúng, và tự hỏi làm thế nào chúng trở nên vàng đến như thế. Tôi không biết tại sao y giận dữ. Y la to lên: "Ông ơi, Trời cũng không thể hiểu ông nói cái gì!" Đó là sự thực, tôi không thể hiểu, nhưng tôi đã hết sức cố gắng để trả lời cho xong xuôi. Y mong đợi ở tôi điều gì? Chắc chắn có một cái gì trong hình dáng tôi mà y không thích, việc đó một đôi khi xảy ra — họ không thích bạn, và lúc bấy giờ dĩ nhiên không có gì bạn có thể làm được.

Khi tôi nghĩ đến con người với hàm răng vàng đỏ, tôi trở nên lo lắng hơn bao giờ hết. Trong đời tôi, tôi cần rất nhiều sự yên tĩnh. Mỗi lần bất cứ việc gì phiền nhiễu tôi nhiều, tôi phải xua đuổi tư tưởng đó ngay lập tức, nếu không sẽ có sự nguy hiểm là tôi có thể trở nên bị đau ốm. Tay chân tôi bồn chồn, ngứa ngáy lắm, bởi thế rất khó khăn cho tôi phải ngồi yên lặng và tôi có thể cảm thấy máu căng dồn lên óc tôi. Gian phòng này làm tôi đau đớn đến như thế: tất cả những người khác đang chờ đợi nôn nao và im lặng, và tiếng động từ chiếc quạt máy và viên công chức với bảng danh sách đi xung quanh đập khê bảng danh sách của y hay đập nó lên đùi và đứng sau cánh cửa lớn đóng kín cuộc khảo sát đang tiếp tục. Tôi cảm thấy một sự cần thiết dữ dội đứng dậy và bỏ đi. Tôi không cần công việc, ngay đến sự suy nghĩ về nó bất cứ lúc nào

tôi cũng không muốn. Tôi chỉ suy nghĩ về việc làm thế nào bỏ ngồi chờ đợi nơi đây mà thôi.

Bây giờ cánh cửa đó lại mở ra và người rách xà rông đi ra. Hẳn ta là lười và cào phía sau cõ, và hẳn đi thẳng ra ngoài không nhìn đến chúng tôi chi cả. Cánh cửa lớn mở ra trong giây lát tôi có thể thấy cánh tay một cái áo sơ mi trắng và một phần sau của cái đầu y. Áo y rất trắng và là thứ tốt, tay y vênh xuống phía trước bởi vậy người ta có thể thấy cặp kính mắc vào phía sau tai y ra sao. Lập tức tôi nhận ra người này chính là kẻ thù của tôi, y sẽ làm khó khăn cho tôi và có lẽ cả đến việc la lối tôi nữa. Lúc bấy giờ tôi biết không lợi ích gì cho tôi ở lại đó. Viên công chức trở lại với bảng danh sách đáng điệu hết sức hoảng sợ nắm lấy tôi tỏ ra rằng y sẽ đọc tên tôi. Nhanh nhẹn tôi đứng dậy, nói khe khẽ, làm ơn tha thứ tôi, phòng vệ sinh, và đi ra ngoài. Viên công chức với bảng danh sách gọi theo tôi. Này ông, đi đâu vậy? bởi vậy tôi cúi thấp đầu xuống và đi nhanh hơn. Tôi muốn bắt đầu chạy, nhưng việc đó có thể gây sự nghi ngờ, bởi thế tôi rón đi hết sức nhanh dọc dài theo dãy hành lang và ra phía phải tòa dinh thự. Cuối cùng tôi có thể dừng lại để thở và tôi cảm thấy tốt đẹp hơn.

Tôi chỉ đứng đó một lát rồi tôi đi mặc dù không biết đi về đâu. Có nhiều viên thư ký và tùy phái đi quanh trên đường phố, vội vã từ công sở này tới công sở khác và mang cả chồng giấy tờ. Mỗi người hình như phải làm một việc gì. Tôi miễn nguyện khí đã ra ngoài cái khối này và bước vào khoảng không gian mở rộng nơi mọi người đều giống tôi, họ không phải làm gì, ngồi dưới gốc cây hoặc bất cứ miếng đất nhỏ nào khác có bóng mát mà họ có thể tìm được. Nhưng tôi không thể ngồi đó, nơi này quá gần khối công sở và bất cứ lúc nào một người nào đó có thể đến và nói với tôi. Tại

ao anh bỏ đi ? Do đó, tôi phải đi xa hơn. Tôi cảm thấy trong lòng hoàn toàn thờ thối và việc không phải bị khảo sát như là một điều giải thoát cho tôi.

Tôi đến một trong 'đầy quán bán thức ăn, ngồi xuống chiếc băng gỗ ở bên ngoài, mà nơi này được gọi là khách sạn Paris và kêu trà. Tôi cảm thấy rất cần dùng trà, và từ khi tôi có ý định đi bộ một đoạn trên đường về nhà, tôi ở trong cái thế phải tốn tiền trà cho việc cuộc bộ đó. Cuối chiếc băng tôi ngồi có hai người Sikh (1) đang ngồi, họ đang ăn một cách ngon lành, tay họ đưa lên bỏ xuống trong cái bát đầy rất lạ lùng. Giữa lúc đang ăn họ trao đổi những lời nhận xét với ông chủ khách sạn Paris, mà y ngồi trên cao bên trong quầy hàng, đang quậy trong một cái bát đồng mà y dùng để nấu thức ăn trong ngày. Y đang nhai trà và chốc chốc phun nước trà đỏ tươi qua cái bếp trên đất giữa chiếc băng cây và những cái bàn.

Tôi ngồi yên lặng ở cuối chiếc băng và uống trà. Thức ăn bay mùi rất thơm ngon, việc này làm tôi nhận ra rằng tôi đói bụng. Tôi quyết định rằng nếu tôi phải cuộc bộ suốt quãng đường về nhà, tôi có thể ăn một cái bánh nhỏ (tôi rất khoái ăn những bánh ngọt) Chiếc bánh không mới, nhưng nó có một miếng nhưng xanh biếc ở trong đó. Về tới nhà tôi sẽ đi ngủ ngay lập tức và không thức dậy cho tới sáng mai. Như thế không ai sẽ có thể hỏi tôi nhiều câu hỏi. Tôi sẽ không nhìn mặt vợ tôi nữa. Như vậy tôi sẽ có thể tránh được cặp mắt của nàng. Tôi cũng sẽ không nhìn chị dâu tôi ! Nhưng chị sẽ mỉm cười, việc đó tôi đã biết, quay lưng ra bức tường với hai tay chống nạnh trên hông chăm chú nhìn tôi và mỉm cười. Chị biết rằng tôi đã bỏ cuộc nhưng chị sẽ không nói gì.

Hãy để chị ta biết lấy! Việc gì? Thực là tôi không có công ăn việc làm và không là

người có ngay cả điều ước vọng tương lai nữa. Sự thực là tôi sống nhờ vào anh tôi. Mọi người biết điều đó. Không có gì phải xấu hổ : có nhiều người không có công ăn việc làm. Và chị ta đã quá tử tế với tôi từ đó đến nay, không có lý gì tại sao chị sẽ không tiếp tục tử tế với tôi. Dù tôi biết chị không phải là một người đàn bà bầm sinh tử tế : chị ăn nói phần nhiều rất thô lỗ và cử chỉ của chị cũng thô lỗ nữa. Chị chỉ tử tế với tôi mà thôi.

HAI người Sikh ngồi ở cuối băng đã ăn xong. Họ liếm những ngón tay và ợ dừ việc này chứng tỏ rằng họ ăn uống quá no nê và thịnh soạn. Họ bắt đầu cười và đùa với ông chủ quán. Tôi ngồi cô đơn và im lặng ở cuối băng. Dĩ nhiên là họ không cười và đùa với tôi. Họ biết rằng tôi cao hơn họ, vì khi mà họ làm việc bằng tay chân, trái lại tôi là một người làm việc giấy tờ không phải đồ mồ hôi để sống nhưng ngồi trên ghế trong sở và viết lách những con số và có thể nói tiếng Anh. Anh tôi rất hãnh diện về địa vị cao cả của anh ta và khinh rẻ những người thợ mộc, thợ may và những người làm nghề tương tự bằng tay chân. Tôi cũng kiêu hãnh là người có học thức, nhưng khi nghe người Sikh cười đùa, một ý nghĩa đến với tôi rằng có lẽ đời sống của họ hạnh phúc hơn tôi. Ý nghĩ đó cũng đã đến với tôi từ trước. Người thợ mộc ở tầng dưới căn nhà của chúng tôi, người mà con gái họ đợi tôi trên nấc thang lâu, và dù ông ta nghèo, nhà ông ta luôn luôn ăn uống rất nhộn và có nhiều người đến và ngay cả việc khiêu vũ nữa. Bác thợ mộc là một người to lớn, khoẻ mạnh và hình như ông ta luôn

(1) Sikh là những người theo một học thuyết ở Ấn Độ thành lập bởi Guru Nanak vào 1500 trước tây lịch, tín ngưỡng một đấng Thượng Đế; cấm thờ ngẫu tượng, tiêu hủy giai cấp riêng biệt ở Ấn Độ và không công nhận quyền tối thượng của Brahman.

hạnh phúc không bao giờ bán khoán, lo lắng và đau ốm như anh tôi. Ông không mang giày và mặc quần áo sạch sẽ trắng toát như anh tôi và tôi, cũng không nói một tiếng. Anh nào, vậy mà ông ta luôn luôn hạnh phúc đấy. Ngay cả dù công việc của ông ta là hạ cấp, tôi không nghĩ ông ta chán nản mỗi một như tôi, và không có viên chức cao cấp nào làm cho ông ta sợ hãi.

Rồi tôi lại nghĩ đến chị dâu tôi, và tôi nghĩ rằng nếu tôi từ tở với chị ta, chị sẽ tiếp tục từ tở với tôi. Tôi trở nên hoàn toàn phần khởi khi tôi nghĩ tôi từ tở với chị ta. Rồi lúc bấy giờ tôi sẽ biết cặp ngực của chị ta rung động như thế nào dưới chiếc áo khoác chúng ấm áp và mịn màng ra sao. Và tôi sẽ biết bên trong miệng chị với hàm răng lớn mạnh. Lưỡi chị ta và nướu thì rất thắm tươi giống như màu hồng chiếc áo khoác sa tanh chị mặc trong các buổi lễ, và tôi thường tự hỏi có thể chúng cũng mềm dịu như chiếc áo khoác hay không. Cặp mắt chị ta sẽ nhắm lại và có lẽ sẽ có những giọt lệ trên đôi mi và chị ta sẽ bộc lộ bản năng thú tính và thân thể này nở của chị ta cũng sẽ kích động giống như một con thú. Tôi trở nên rất kích thích khi nghĩ đến điều đó như thế khi ý nghĩ kích thích đi qua, tôi rất buồn rầu. Bởi vì lúc bấy giờ tôi nghĩ đến vợ tôi mà nàng thì gầy guộc và không đẹp, thân thể nàng lại không có gì kêu gọi. Nhưng nàng làm bất cứ điều gì tôi muốn và luôn luôn cố gắng làm vui lòng tôi. Tôi nhớ đến lời thì thầm với tôi trong đêm "Hãy đem tôi đi, chúng ta hãy đi và sống một nơi nào đó một mình, chỉ có anh và tôi và những đứa con của chúng ta mà thôi". Điều đó không bao giờ có thể được và vì thế nàng luôn luôn phải chịu sự bất hạnh.

Tôi rất buồn khi tôi nghĩ đến điều bất hạnh của nàng, bởi vì điều đó không chỉ một mình nàng bất hạnh nhưng tôi và nhiều người khác cũng vậy. Bất cứ ở đâu cũng

có sự bất hạnh. Tôi nghĩ đến người mà chiếc xà rồng mới của hẳn ta bị rách và bây giờ hẳn phải về nhà và nó cần thận đến nỗi những dòng lệ sẽ không được thấy. Tôi nghĩ đến tất cả những người khác đang ngồi và đang chờ đợi cuộc khảo sát, tất nhiên một hoặc hai người trong bọn họ sẽ không được chỗ làm do đó họ phải đến tham dự cuộc khảo sát và vì vậy họ lại phải đi đến cuộc khảo sát khác và một lần nữa phải ngồi chờ đợi trong lo lắng và hồi hộp. Và anh tôi người có việc làm, nhưng anh ta rất sợ hãi sẽ mất việc và mẹ tôi già đến nỗi bà chỉ có thể ngồi trên sàn nhà và vuốt những miếng vải của bà mà thôi, và người chị dâu tôi mà chị không săn sóc cho chồng chị ta; và con gái bác thợ mộc đã kết hôn và có lẽ cô ta cũng sẽ không được hạnh phúc. Tuy vậy đời sống có thể là khác nhau lắm. Khi tôi đi tới rạp xi nê và nghe họ hát những bài ca đẹp để tôi biết nó có thể khác nhau như thế nào; và cũng có một đôi lần khi tôi ngồi một mình trầm tư mặc tưởng, lúc bấy giờ tôi có cảm giác rằng mọi việc có thể đẹp để lắm. Nhưng bây giờ trà tôi đã hết và bánh cũng không còn và tôi đã mong ước không mua nó, bởi vì quãng đường bách bộ về nhà tôi thì xa lắc và tôi cũng đã mỏi mệt.

RUTH JHABVALA
QUẾ THANH dịch

NHÀ IN

HY MÃ LẠP SƠN

Một nhà in lớn nhất của Phật giáo trang bị nhiều máy in và kiểu chữ hoàn toàn mới. Nhận in kinh, sách, nhật báo, tuần báo, nguyệt san, bán nguyệt san, sổ sách, ấn chỉ văn phòng...

190, LÝ THÁI TỎ SAIGON - Đ. T. : 25946

LƯỢC SỬ ĐƯỜNG LỐI GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG

VƯƠNG PẪN LIÊM

Ở Việt Nam, Giáo Dục Cộng Đồng được nâng lên hàng « đường lối giáo dục quốc gia », đồng hóa với nền tiểu học. Vì lẽ nó đã có những đặc điểm về mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp và chương trình áp dụng hẳn hoi. Và trường tiểu học cộng đồng hiện tại đang thi hành đường lối ấy.

Đó không phải là một sự ngẫu nhiên. Nhưng nếu nói nó là một đường lối giáo dục ngoại lai hay xuất xứ từ một quốc gia nào cũng không đúng. Giáo dục cộng đồng là danh từ biến thể của GIÁO DỤC CĂN BẢN, một thứ chương trình hoạt động của tổ chức UNESCO. Chính chương trình này đã linh động thay đổi tùy theo quốc gia và áp dụng tùy thuộc vào hoàn cảnh mỗi địa phương. Cho nên, nước ta thực hiện đường lối Giáo dục Cộng đồng khi đã cải thiện thích nghi với thực trạng Việt Nam,

Đề có một nhận định đứng đắn về

ý nghĩa trên, chúng ta có thể lần lượt tìm hiểu khái lược chương trình Giáo Dục Căn Bản của UNESCO, vai trò của tổ chức ấy và điếm qua sự chuyển hướng về quan niệm Giáo Dục Căn Bản của Việt Nam.

A.— VAI TRÒ CỦA CƠ QUAN UNESCO :

UNESCO là chữ viết tắt của danh từ tiếng Anh : United Nations Educational Scientific and Cultural Organization (Organisation des Nations Unies pour l'Education, la Science et la Culture).

UNESCO là một trong số 11 cơ quan chuyên môn của tổ chức Liên Hiệp Quốc (ONU) thường được gọi : Tổ chức Văn Hóa Liên Hiệp Quốc hay Cơ Quan Văn Hóa Quốc Tế.

Thoạt tiên, năm 1921 Ủy ban Quốc tế hợp tác trí thức được thành lập với lối 20 nhân vật có uy danh quốc tế.



Giữa đệ nhị thế chiến, từ năm 1942 nhiều Tổng trưởng Giáo dục của các nước Đồng Minh thường hội họp để thảo luận về các vấn đề liên quan đến sự phục hưng nền giáo dục ở những vùng bị chiếm đóng hay bị chiến tranh tàn phá. Rồi sau khi tổ chức Liên Hiệp Quốc ra đời, hai chính phủ Anh và Pháp có sáng kiến triệu tập một hội nghị có đại diện của 44 quốc gia tham dự. Tại đây hội nghị đã chấp nhận bản hiến chương thành lập Tổ chức Giáo dục, Khoa học, Văn hóa Liên Hiệp Quốc (UNESCO) ngày 4-11-1945. Tính đến năm 1961, UNESCO đã có hơn 100 quốc gia hội viên và Việt Nam Cộng Hoà đã gia nhập tổ chức này từ ngày 6-7-1951.

I. - Sơ lược về tổ chức Unesco

Tổ chức UNESCO cũng như 11 tổ chức chuyên môn khác đều trực thuộc Hội đồng kinh tế và Xã hội của Liên hiệp quốc. Mỗi tổ chức hay cơ quan ấy có một bản hiến chương, một vị Tổng Giám đốc, một văn phòng và một trụ sở riêng. Trụ sở UNESCO đặt tại Paris (Pháp). Tại mỗi nước hội viên có thành lập Ủy hội Quốc gia liên lạc thường xuyên và thừa hành các chương trình mới với văn phòng UNESCO.

Sau đây là sơ đồ tổ chức của UNESCO :

VĂN PHÒNG TỔNG GIÁM ĐỐC



2.- Sơ lược về mục đích của Unesco :

Do theo hoạt động của các Bộ chuyên môn mà ta biết chương trình UNESCO hướng về những mục đích nào. Một cách tổng quát, mục đích của UNESCO thể hiện tại điều 1 Bản Hiến Chương: «Tổ chức có mục đích góp phần vào sự duy trì hòa bình và an ninh, dùng giáo dục, khoa học và văn hóa để siết chặt sự hợp tác giữa các quốc gia ngõ hầu bảo đảm sự tôn trọng công bình, pháp luật, nhân quyền và những tự do căn bản cho tất cả, không phân biệt chủng tộc, nam, nữ, ngôn ngữ, tôn giáo mà Hiến chương Liên Hiệp Quốc đã thừa nhận cho tất cả các dân tộc».

Về giáo dục, UNESCO nhằm ba khuynh hướng :

— Mở mang và cải thiện giáo dục học đường

— Mở mang nền giáo dục ngoài học đường (Giáo dục căn bản)

— Tán trợ những trao đổi tin tức về giáo dục.

Về khoa học :

— Gây sự tiếp xúc thông cảm giữa những nhà bác học của các quốc gia trên thế giới.

— Trao đổi tài liệu khoa học và thúc đẩy công cuộc khảo cứu khoa học

— Phát triển giáo dục về khoa học xã hội

— Phổ biến trên thế giới khoa học xã hội.

Về văn hóa :

— Tán thành sự giao thiệp giữa các quốc gia trong việc giáo dục quần chúng và phổ biến văn hóa.

— Bảo tàng lâu dài những di tích cổ

— Thiết lập các hội văn bút quốc tế

— Duy trì tài sản của nhân loại

Về viện trợ kỹ thuật:

— Chương trình này nhằm đưa chuyên viên đi công cán tại các nước để giúp đỡ ý kiến về các vấn đề kinh tế, xã hội giáo dục v.v...

Về trao đổi nhân viên:

— Cung cấp tài liệu (thông tin, xuất bản, nghiên cứu v.v...)

— Cấp học bổng

— Chương trình trao đổi đặc biệt (trao đổi công nhân, thanh niên, nhân viên giáo dục v.v..)

Về thông tin ...

B. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CĂN BẢN CỦA UNESCO:

Trong phần hoạt động giáo dục, chúng ta nhận thấy có chương trình giáo dục căn bản. Khởi thủy, người ta không dự liệu Giáo dục căn bản. Về sau, qua những cuộc khảo sát cụ thể tại nhiều vùng chậm tiến, để thỏa mãn những nhu cầu cấp bách của dân chúng địa phương, chương trình Giáo dục Căn bản mới được soạn thảo, có tính cách quốc tế nhưng lại tùy thuộc vào phạm vi mỗi quốc gia.

I - Lý do thành lập chương trình Giáo Dục Căn Bản :

Chương trình cũng như danh từ

Giáo Dục Căn Bản được nêu ra (năm 1950) sau lời tuyên bố của ông James Yen, nhà lãnh đạo trứ danh phong trào Giáo Dục Quần chúng Trung Hoa: «Ba phần tư dân chúng trên thế giới thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu nhà ở và không biết đọc, biết viết». Chương trình này lai trùng nghĩa với hoạt động xã hội của các nước như: Giáo Dục Xã Hội, Giáo Dục Quần Chúng, Phát Triển Cộng Đồng v.v...

Quả vậy, hình ảnh nói trên thường thấy ở các miền thiếu mở mang kém phát triển, bị chiến tranh tàn phá. Đời sống dân chúng nghèo đói, khổ sở quá chênh lệch giữa các giai cấp trong xã hội, giữa «cộng đồng thành thị» với «cộng đồng nông thôn» là mối nguy cơ của các nước lầy nông nghiệp cổ truyền làm căn bản. Thêm vào đó, tình cảnh nói trên còn do ảnh hưởng của kỹ thuật tân tiến du nhập vào nước quá ỉn ỉàng. Ngoài ra còn những dân tộc thiểu số sống xa ánh sáng văn minh chịu thiệt thòi về mọi phương diện v.v...

Đó là những lý do chính yếu thúc đẩy UNESCO thành lập chương trình Giáo dục căn bản. Và tổ chức này đã từng khuyến cáo rằng: «các nước hội viên nên bảo đảm một nền Giáo dục căn bản cho toàn thể dân chúng của họ và nhất là thiết lập sớm một nền tiểu học cưỡng bách, phổ thông và miễn học phí cùng một giáo dục cho tráng niên»

2- Mục Đích Của chương trình Giáo Dục Căn Bản:

Đối tượng của Giáo dục căn bản là

toàn thể hoạt động của nhân loại. Phạm vi hoạt động quả là rộng lớn vì vừa nhắm vào nhân loại vừa thực hiện trên khắp mặt địa cầu. Nhưng bản chất của Giáo dục căn bản là cơ giản nên nội dung mỗi chương trình luôn luôn thay đổi theo nhu cầu, khả năng và hoàn cảnh địa phương của mỗi quốc gia. Tựu trung, chương trình Giáo dục căn bản nhắm vào các lãnh vực giáo dục, y tế kinh tế và xã hội, như sau :

— Nghệ thuật suy luận và truyền bá tư tưởng (đọc, viết, nói, nghe, tĩnh v.v.)

— Kỹ thuật chuyên môn (canh nông chăn nuôi, thương mại, kiến thiết nhà cửa, trang bị nông thôn v.v...)

— Nữ công giáo dục (nghệ thuật nấu ăn, nuôi con, săn sóc bệnh nhân v.v...)

— Vệ sinh giáo dục (cá nhân và cộng đồng)

— Nhận thức về hoàn cảnh vật chất và hiện tượng tự nhiên (khoa học sơ đẳng)

— Nhận thức về hoàn cảnh nhân văn (tổ chức kinh tế, xã hội, chính trị)

— Nhận thức về vị trí và dân tộc trên thế giới.

— Phát triển tập quán tốt hợp đời sống tân thời.

— Phát triển tâm hồn và trí tuệ, tín ngưỡng và giá trị đạo đức v.v...

C. QUAN NIỆM VỀ GIÁO DỤC CĂN BẢN CỦA VIỆT-NAM

Nhận định được vai trò thiết yếu

của tổ chức UNESCO và tính cách hữu ích của chương trình Giáo Dục Căn Bản, chính phủ Việt-Nam đã gia nhập UNESCO năm 1951. Mãi tới đầu năm 1956, sau khi tình hình chiến tranh đã lắng dịu, giữa lúc mọi người dân đang dồn mọi nỗ lực vào công cuộc kiến thiết quốc gia, thì chính phủ Việt nam Cộng Hòa mới tiếp nhận được viện trợ kỹ thuật của UNESCO. Dĩ nhiên, thực trạng nước ta hồi ấy rất thích hợp cho chương trình Giáo Dục Căn Bản. Chúng ta xét xem sự diễn tiến của chương trình này như thế nào?

1. Giáo dục căn Bản.

Lúc đầu chương trình Giáo Dục Căn Bản có tính cách của một chương trình công tác xã hội. Các chuyên viên UNESCO về Giáo Dục Căn Bản, Giáo Dục phụ nữ, Giáo dục Học đường.v.v. hợp tác với một số nhà giáo dục Việt Nam để nghiên cứu kế hoạch thực hiện chương trình. Họ thành lập một đoàn gọi là Đoàn Giáo Dục Căn Bản. Đoàn này đã nghiên cứu và khảo sát một vài xã ở tỉnh Bình Dương và tỉnh Long an để tìm hiểu và thiết lập chương trình hoạt động.

Xã Khánh Hậu (tỉnh Long An) là thí điểm đầu tiên của chương trình Giáo Dục Căn Bản. Sau một thời gian tìm hiểu hoàn cảnh địa phương nông thôn, Đoàn Giáo Dục Căn Bản tiến tới việc tạo lập cơ sở nhằm mục đích đào tạo cán bộ thừa hành và thi hành đúng theo nguyên tắc Giáo Dục Căn Bản : chương trình này phải bắt đầu từ trường học.

2.— Trung Tâm Giáo Dục Căn Bản Long An :

Qua giai đoạn thứ hai của chương trình, chính phủ chấp thuận thiết lập một trung tâm Giáo Dục Căn Bản mệnh danh là Trung Tâm Giáo Dục Căn Bản Long An giống như các quốc gia hội viên đã thực hiện. Trung Tâm này gồm có ba ngành và một kế hoạch dẫn đạo, lược kê như sau.

- a) Ngành sưu tầm và thiết kế
- b) Ngành sản xuất tài liệu giáo khoa
- c) Lớp đào tạo giáo viên cộng đồng
- d) Kế hoạch dẫn đạo

Đến năm 1963, Trung tâm nói trên đổi thành Trung tâm Giáo Dục Cộng Đồng Long An và lớp đào tạo giáo viên cộng đồng được gọi là trường Sư Phạm Cộng Đồng Long An.

Tới đây chương trình Giáo Dục Căn Bản đã kinh qua một giai đoạn quan trọng. Trung Tâm Giáo Dục Cộng Đồng chỉ còn hoạt động với tư cách là một trường Sư Phạm đào tạo giáo viên cộng đồng. Và danh từ Giáo Dục Căn Bản đã biến đổi thành Giáo Dục Cộng Đồng.

3.— Ban Giáo Dục Cộng Đồng :

Sang niên học 1961-1962, Nha Tiểu Học thành lập Ban Giáo Dục Cộng Đồng thì chương trình Giáo Dục Căn Bản tiến đến giai đoạn chót và biến mất đi để trở thành một đường lối giáo dục quốc gia ở bậc tiểu học : Đường lối Giáo Dục Cộng Đồng.



Rồi sau đó, Ban Giáo Dục Cộng Đồng được mở rộng làm Phòng Giáo Dục Cộng Đồng của Nha Tiểu Học, có nhiệm vụ điều hành các trường Tiểu học Cộng Đồng trong toàn quốc.

Theo kế hoạch dài hạn của Bộ Giáo Dục, sau khi biến cải xong tất cả trường tiểu học thì bậc tiểu học sẽ áp dụng toàn diện đường lối Giáo Dục Cộng Đồng và Bộ cũng trừ liệu nâng đường lối này lên bậc Trung học.

KẾT LUẬN

Cho tới nay, chương trình Giáo Dục Căn bản của tổ chức UNESCO đã thực hiện được nhiều công tác đáng kể tại các quốc gia hội viên trên thế giới, đúng theo ý định của cấp có thẩm quyền. Chương trình đã được thực hiện một cách linh động, hầu hết đều

được địa phương hóa để biến thành một thứ đường lối hay kế hoạch của quốc gia. Và nước ta là một trong số các quốc gia hội viên đã thành công trong việc hệ thống hóa kế hoạch Giáo Dục Căn Bản và sử dụng nó dưới một hình thức khác, mới mẻ hơn. Chắc chắn rằng nhiều nước đã phổ cập đường lối Giáo Dục Căn Bản vào nền giáo dục quốc gia nhưng lại gọi bằng một danh từ khác.

Chúng ta cũng cảm thấy khó khăn lắm khi tìm về lược sử của Giáo Dục Cộng Đồng; nếu không phân tích cuộc diễn tiến của chương trình Giáo Dục Căn Bản thì không thể hiểu được nguồn gốc của nó. Bởi lẽ, ở mỗi địa phương, ở mỗi quốc gia, đường lối Giáo Dục Căn Bản mang một sắc thái riêng biệt: sắc thái dân tộc.

hãy đọc:

LIÊN HOA NGUYỆT SAN

Cơ quan phát huy văn hóa Phật giáo

Chủ nhiệm : THÍCH ĐÔN HẬU
Tổng thư ký : THÍCH ĐỨC TÂM
Quản lý : THÍCH NỮ DIỆU KHÔNG
66, CHI LĂNG, hộp thư 24, HUẾ

XÓM ĐÁY

CHÍN

TRONG quyển sổ ghi danh các em đến học tại trường Chim Sơn Ca mà các bạn giao cho tôi, tôi thấy nét chữ của chị Sáu ghi :

Em Nguyễn thị Út (lớp nhất) xóm chài

Em Nguyễn thị Lệ (lớp tư) xóm chài

Cách một khoảng xa, nét chữ chị Tư lại ghi :

Em Mai văn Chung xóm Đáy

Em Lê Kim Đỉnh xóm Đáy

Em Nguyễn thị Hòa xóm Đáy

Tôi mới bước chân về làng, chẳng có ý niệm gì về những cái xóm Chài xóm Đáy ấy cả. *Đi chài* và *đi đáy* ở đây có nghĩa gần tương tự như nhau. Chẳng biết đó là hai xóm hay chỉ là một xóm thôi. Dần dần, dạy học và quen biết nhiều tôi mới rõ là xóm ấy ở tận bờ sông xa, cuối làng. Người nơi đây toàn làm nghề lưới cá, và xóm ấy gọi theo tiếng địa phương là Xóm Đáy. *Đi chài* thì không gọi là *đi chài* mà lại gọi là

đi « cày ». *Đi « cày đáy »*. Có lần Út Lớn đến bên tôi nói nhỏ :

— Thưa Chị em xin phép nghỉ học nữ công kỳ này vì hôm nay nước lớn em phải đi « cày đáy ». Hai tiếng « cày đáy » Út thốt lên thật gọn trong khi nhe hàm răng đều đặn của em ra hai lần, chẳng hiểu sao lại gọi lên trong tôi hình ảnh cái xóm mây nước đặc biệt nhất làng kia.

CHÚ Tâm Thái kể rằng trong cái xóm ấy dân làng có vẻ sung túc lắm; họ sống biệt lập và chẳng cần đến mình. Các chị thì ngại vô chơi vì bảo rằng xóm ấy có nhiều thanh niên hay chọc gheo các cô. Các anh thì ngược lại cứ nằng nặc đòi vào « nhậu » một phen cho biết vì các anh từng chữa cho nhiều người ở đây hết bệnh nên họ cứ mời mọc đến « nhậu » hoài.

Tôi đang tìm dịp vào thăm xóm thì các em học sinh Xóm Đáy tự dung đến mời tôi : « Chị xuống nhà tụi em chơi đi ; bữa nào chủ nhật rảnh đó.

tui em sẽ chèo xuồng đưa chị đi hái bần. Bần chua mà chấm với muối ớt thì ăn ngon lắm.

Út Lớn xen vào :

« Rồi chị ở ăn cơm trưa luôn nghe. Tui em nấu canh chua với bần cho chị ăn. Canh chua bần mà nấu với cá lóc và rau thơm thì ngon lắm».

Cây bần thì tôi biết thừa. Tôi còn biết rõ là ngoài cái rễ chính, nó còn một hệ thống rễ gọi là *phế căn* mọc ngược lên không, dùng vào sự hô hấp của cây.

Nhưng mà bần chua ăn với muối ớt và canh rau thơm nấu với bần thì tôi mới được biết qua lời nói của Út Lớn. Tôi cũng biết thêm là món đó ngon qua ánh mắt vụt sáng của các em ở xóm Đáy khi nghe Út Chị nhắc đến. Chiều hôm ấy tôi quyết định xuống xóm Đáy chơi. Chú Tâm Thái báo trước cho tôi biết là xóm đó lầy lội lắm, nên đề guốc lại ở trường là hơn. Cái làng của chúng tôi nhỏ quá nên con đường đê đưa xuống xóm tuy là dài nhất làng mà đi cũng chẳng mấy chốc đã đến. Khỏi con đê hẹp xuyên qua ruộng mạ xanh rì, đến con đường đất rộng gần ba thước. Hai bên bờ đất người ta phơi những hàng dây tước ra từ những bẹ dừa nước. Thím Bảy nói rằng dây này dùng để bó củi rất chắc mà cũng có thể dùng vào việc cột những nẹp nhà. Có tiếng trẻ reo cười bên trong xa, sau một chiếc nhà lá có trồng nhiều cây gòn, cây bình bát và cây dừa. Thấp thoáng có một hàng dừa nước mãi tận đằng sau. Dừa nước

(1) *Kia kia*

là loại cây mà tôi cho là đẹp nhất trong làng. Những chiếc lá dài mọc từ bần sinh lầy lội mà vẫn xanh mượt sạch sẽ và lúc nào cũng sừng sững thẳng đứng lên chứ không xiên sang bên này ngã sang bên kia. Trái dừa kết lại thành từng *quây*. *Cơm dừa* ăn thơm, dẻo, ngọt nhưng không béo ngậy như dừa ta. Bẹ được chẻ ra thành sợi để làm dây ...

TÔI đang nghĩ đến cây dừa nước thì trong nhà túa ra ba bốn đứa trẻ. Thăng Nở thăng Lắm cùng reo lên «Chị Chin! chị Chin bay ơi!». Các em lần lượt kéo ra khá đông và cả «phái đoàn» mới bắt đầu viếng thăm từng nhà. Nhà con Lệ và thăng Lắm ở đầu xóm. Bên hông và sau nhà các em, đều có *dầm* mọc đầy lát. Tôi hỏi các em có biết đan giỏ bằng lát chưa và hứa sẽ dạy các em phơi lát, nhuộm màu rồi đan giỏ mà dùng. Chẳng có ai ở nhà cả vì nước sắp dâng cao, có thể chài được nhiều cá cho nên cả nhà phải đi «cày». Phái đoàn lại trở ra và hướng về phía xóm đồng đúc. Tôi bước cẩn thận trên một lối đi ọp ẹp những nước bần. Cái áo bà ba vải nâu và chiếc quần đen cao khỏi *mắt cá* dưới chân tôi vẫn còn lết bết vương vào cỏ lát. Thăng Lắm trở một cái nhà bên tay trái nằm sau một cái *dầm* sâu và nói.

— Nhà Ngọc Em với thăng Chung cả (1) chị.

Trong khi tôi cẩn thận đi từng bước trên cầu ván thì « ùm, ùm » các

em đã nhào cả xuống nước lội sang. Hai cánh tay no tròn đen thui của thằng Chung loay hoay dưới nước khiến tôi hoảng kinh. Tôi suýt kêu cứu thì nó đã choài đầu lên ngoảnh miệng cười. Thằng Chung năm nay được năm tuổi, mới học lớp Mẫu Giáo với chú Tâm Thề ở trường mà đã lội nhanh như một con rái con. Mặt mày tay chân nó lúc nào cũng lem luốc những bùn, nhưng chú Tâm Thề quả quyết là từ ngày đi học đã tiến bộ hơn xưa nhiều lắm. Trong lúc tôi mừng rỡ buột miệng hỏi:

— Trời ! em biết lội hả ?

Thì Ngọc Em đã ra cửa đón tôi. Đôi mắt sáng, hai gò má hồng rúm đen với nhiều nốt tàn nhang và một mụn ruồi to bên mép là những đặc điểm của cô bé mười hai tuổi này. Em là chị của sáu đứa nhỏ nên chẳng còn được đi học nữa. Chị Ngọc Anh của em mười lăm tuổi đã phải bận đi « cày đáy » với ba má em suốt ngày, có khi luôn cả đêm nữa. Em phải ở nhà giữ em. Tuy nhiên em có thể bế em bé ra trường để học trong những giờ tôi dạy nữ công. Tôi hỏi em về đời sống dân chài ở ven sông. Em đã trả lời thật rành rẽ. Em cho biết là nếu không phải coi em thì em cũng có thể đi cày và đủ sức kéo một *miếng đáy*. Em mặc một chiếc áo ngắn, màu nâu, bó sát thân hình tròn trĩnh và chiếc quần đen ngắn, cao khỏi mắt cá chừng một tấc. Tóc em suông dài đến vai. Mỗi khi cười em hay há miệng ra vẻ e thẹn và ngoẻo đầu sang một bên. Em hướng về phía thằng Chung và nói :

— Tui nó lội giỏi lắm, chị.

Tôi hỏi.

— Ai mà dạy nó lội vậy em ? Nó còn nhỏ quá !

Ngọc Em cười hồn nhiên :

— Ai mà dạy chị. Tự nhiên nó biết. Con nít ở đây đứa nào mà lại hỏng biết lội.

Tôi không tin cái thuyết tự nhiên mà biết lội của cô bé Ngọc Em cho lắm bởi vì tôi đã từng học lội. Xuống nước mấy mươi phen mà vẫn cứ chìm ngấm. Nhưng nhìn mãi những cánh tay no tròn đen bóng ấy loì chơi dưới nước, những khuôn mặt bé xiu ấy với những cái má phúng phính đen hồng, những đầu tóc mốc thềch vì bùn, hụp lặn dưới nước và mỗi lần ngoác lên thì phồng má lại miệng phun phèo phèo với nhau rồi cười ngặt nghẽo hay dòn tan, thì tôi cũng phải tin. Cái không khi chiều hôm đó khiến tôi có cảm tưởng như các em lọt lòng mẹ rồi lớn lên thì tự nhiên biết lội cũng như tự nhiên biết ngủ tự nhiên biết ăn vậy.

Tôi từ giã Ngọc Em rồi rẽ sang tay trái để đến chỗ đóng đúc nhất xóm. Một dãy nhà lá hướng cửa về phía bờ sông. Một con sông khá rộng và dài, nước cuồn cuộn chảy. Có tiếng kêu « Chị Chin » trong trẻo ở một góc xa. Tôi quay lại và ngạc nhiên nhìn em Tâm Nhỏ đứng trên một chiếc thuyền con nhanh nhẹn bơi về phía tôi. Thuyền đi sát bờ nên em dùng một tay chèo ghe một tay khoác những nhánh bần giơ ra sông một cách gọn gàng quen thuộc.

trở lên đã say sưa lu bù rồi chẳng còn làm gì nhiều cho gia đình cả.

Tôi nhìn em Mười, mười sáu tuổi mà đã làm chủ một gánh gia đình rồi. Út Nhỏ cho tôi biết là anh Chin nó vừa bị bắt lính, giờ thì việc đi «cày» chỉ có anh Mười nó chỉ huy. Mười mặc một cái áo bà ba đen tro, cái quần vải trắng đã ngả sang màu đất bùn.

Đầu em hớt chải. Phía trước có một mép tóc hơi quăn khiến cho nét mặt em dịu xuống. Mặt em nhỏ dài nhưng cũng hiền như mép tóc của em. Mũi em cao, nhỏ, mũi mỏng, răng trắng đều. Quả thực nếu các cậu con trai ở đây mà hiền như Mười cả thì họ cũng dễ thương lắm.

HÔM nay là ngày nước dâng cao có nhiều cá tôm, nhưng vì miệng đáy bị rách hôm qua nên Mười phải ở nhà đề vá lại. Tôi hỏi Mười về đời sống trên ghe khi đi cày. Chúng tôi nói chuyện có vẻ tâm đầu ý hiệp lắm. Chiều đã xuống hẳn. Mười đề nghị đưa tôi về tận trường bằng ghe, vì giờ này nước đã dâng cao và những lối đi khi nãy có thể bị nước tràn ngập tất cả rồi. Út Lớn, Út Nhỏ, Mười và tôi cùng ra ghe.

Khi thuyền đi ngang những cây bần sậy trái các em không quên ngừng lại hái cho tôi. Đi được một đôi thì xuống rẽ vào một con rạch nhỏ dẫn đến trường. Hai bên bờ những cây dừa nước xanh mát đã ướt bóng trắng. Tôi nghĩ đến những khúc hát những điệu hò trên sông và hỏi Mười. Em ngơ ngác chẳng biết chi cả. Em bảo em cũng nghe mang máng rằng hồi xưa vui lắm, có hát, có hò, có ca đối đáp nhưng từ hồi nào đến giờ em chưa từng được nghe hát bao giờ.

— Bây giờ thì hồng còn ai hát nữa đâu chị.

Câu nói Mười thốt ra thật tự nhiên nhưng nghe qua tôi bỗng giật mình.

— À, thiệt rồi, bây giờ thì chẳng còn ai hát nữa. Tôi tự nhủ.

Hèn chi mà không khi thôn đã độ rày chẳng còn rộn rã tung bừng như không khi đồng quê trong sách báo ngày xưa. Đồng quê đã bật tiếng hát ca từ khi tôi bắt đầu hiểu biết. Cái thời có hát, có hò khi gặt lúa, khi giã gạo hay khi chèo ghe trên sông dài đã thành cái thời xa xưa chỉ hiện hữu trong các chuyện cổ.

Quê hương tôi còn đó, những người con nơi thôn dã còn đó, nhưng bởi vì họ là những người đã gánh chịu nặng nề nhất những tủi nhục, những đau buồn của quê hương nên tiếng hát ca của họ đã im bật. Sự lặng im bắt đầu từ những mảnh vườn tan nát, những lũy tre xanh cháy khô, những cánh đồng tôi tả, rồi lan dần, lan dần... Tôi nhìn các em khuya đều đặn mái chèo và nghĩ đến thân phận tôi. Chị em chúng tôi vô phúc sanh nhằm thời quê hương điêu đứng nên chưa bao giờ được thưởng thức hương vị của một câu hò đượm tình đất nước.

THUYỀN đã cặp bến. Tôi từ giã các em, uể oải lên bờ. Phải chi mà tôi đừng biết suy nghĩ, cứ vô tâm như Út Nhỏ Út Lớn thì buổi chiều hôm nay sẽ dễ chịu biết bao. Gió đêm miên man trên đường về

Trăng đồng quê hình như cũng không được khỏe mạnh. Tôi mơ ước được thấy Xóm Đáy trong những đêm dân làng quăng lưới chụp ánh trăng vàng và những buổi sáng ghe về chở nặng tôm cá trong khoang. Ước mong cho tiếng hát câu hò sớm trở về trên đất nước và nụ cười trở lại trên khuôn mặt những người dân chất phác thực thà.

THÀNH PHỐ ĐI RỒI

HOÀI KHANH

BÁ Y giờ con sông là một nỗi buồn lớn đang trải ra trước mặt anh Hai. Con sông thật là nhỏ nhoi và hiền hòa. Con sông không biết khóc, không biết cười. Con sông chỉ biết trôi chảy thôi. Nhưng cho đến ngàn vạn năm nữa—hiện giờ anh Hai đang nghĩ đến điều đó—con sông cũng vẫn trôi chảy mãi không ngừng. Như thế con sông thật là vĩ đại và dòng nước luân lưu mới thật đáng cho người ta chiêm ngưỡng.

Hôm nay anh Hai mon men ra bờ sông để nghĩ đến số kiếp con người. Anh muốn tìm một nơi có thể giải thoát tâm tư buồn nản, tuyệt vọng của mình. Xa tận phía dưới kia con sông đang

phản chiếu những hình ảnh biến đổi từng giây phút của một thành phố mà anh không được quyền đi đến, anh không được quyền nhớ tới. Nhưng làm sao bắt ý nghĩ người ta đứng lại cho được. Ý nghĩ, tư tưởng có khác nào dòng sông đâu. Một đôi lần anh Hai cũng loáng thoáng nghĩ đến điều đó. Và thành phố kia những đêm nào không xa lắm đối với anh là cả một niềm hoài vọng. Trong hơi tiếc cũng như trong xao xuyến. Đến và đi. Đêm và ngày. Buồn và vui. Một cái gì như dòng nước cuốn đi, vừa dịu mát vừa bùng thoát, vỡ bờ, hóa kiếp.

Ngày thật là mạnh khỏe đang khởi lên sau lưng anh. Anh ngồi chồm

Tôi đã nói rồi. Trở về đây như trở về mái nhà xưa và vì vậy mà tin Bà bệnh nặng thành ra một tin vui. Tôi vội vã vất bỏ tất cả công việc để trở về xã Hưng Nhơn.

BÀ và anh Hai đến đây sinh sống không biết tự lúc nào nhưng tôi đoán rằng đã khá lâu. Nếp sống ấy, bình tự ấy cho tôi đều quyết đoán đó. Và a nữa là trong nhiều câu chuyện tôi nói đến thành phố Phan Thiết phía dưới dòng Cà Ty hiền dịu này, anh Hai thường đánh trống lảng bắt sang chuyện trồng trọt và ước vọng duy nhất của anh là sắm một chiếc xe bò. Để có thể đến sinh sống một vùng xa hơn tận phía trong chân núi Tà Cú. Những lúc ấy cặp mắt anh xa vắng như từ một cõi nào khác biệt với trần thế. Như thể nơi ấy—thành phố dưới kia—đã là một niềm u hận cho gia đình anh. Mà quả vậy, ở xã Hưng Nhơn này chưa đủ anh còn tính dời đi đến một nơi hẻo lánh độc địa và chẳng có mấy người ở. Rồi một sớm anh đã ra đi. Rồi một sớm tôi trở về.



Tám con

Chức thư này ba để lại cho con như một niềm kiêu hãnh khốn cùng của đời ba và muốn rằng nó sẽ là một hy vọng cho đời con. Ba không muốn dài dòng, nhưng nghĩ rằng ba con ta không gặp nhau nữa, nên những dòng này con có thể xem như hình bóng ba mỗi khi con đọc đến, nhớ đến và nếu thật sự thương ba con hãy làm theo những lời ba dặn trong chức thư này.

Nếu được như thế, ba không còn gì vui sướng hơn.

Ba xưa kia vốn là một kẻ làm rẫy nghèo nàn ở xã Hưng Nhơn. Nhờ chịu khó và tần tiện ba kiếm được một số tiền và khi có dịp về Phan thiết với một người bạn, nhân cuộc vui đến đó ba ngày Tết, ba đã kiếm được một số tiền không lồ, hơn cả mấy mươi năm trời làm lụng cực nhọc, tần tiện ở chốn khi ho có gáy quê hương của chúng ta. Có tiền nhiều nên có bạn nhiều, và đời sống thành phố đã dạy ba từ bỏ cái quá khứ nghèo nàn, « quê mùa » của ba xưa kia, trong đó có cả cái quá khứ thủy chung của mẹ con. Lúc đó, con mới được sáu tháng.

Và như thế từ đó ba không bao giờ trở lại xã Hưng Nhơn nữa. Tuy một đôi khi, sau những cơn say vữa tỉnh, ba bàng hoàng nhớ lại đời sống xưa cũ của mình. Hơn một lần ba đã từ bỏ đó thị để về sống ở Hưng Nhơn lúc tuổi mới gần ba mươi. Như thế con sẽ hiểu ba khổ tâm dường nào khi nghe người ta hát :

« Cha già con muện chơi voi
Cha làm thấy tỏ con chơi tối ngày ?

Ba xin con đừng bận lòng tìm hiểu những ngày trước khi về sống ở Hưng Nhơn ba đã làm gì. Điều đó, sau này khi lớn lên đối diện với dòng sông thì con sẽ hiểu. Tộc họ ta cho rằng giòng họ ta có noi. Nhưng ba không muốn tin điều vô lý đó. Trước kia ba dạy học. Sau này ba làm rẫy và cuối cùng ba là một kẻ đáng điếm, rượu chè, cờ bạc.

Cũng may cho con, người đàn bà ấy đã cần rặng chịu đựng suốt mười mấy tháng sau đó. Người đàn bà ấy là

mẹ con. Ba đã n. ần tâm đánh đập, xua đuổi khi người đàn bà đó những lần lần lội xuống Phan thiết tìm ba. Ba phải dùng chữ « người đàn bà » bởi vì ba không đủ quyền gọi đó là mẹ con nghĩa là vợ của ba. Xin con tha lỗi cho ba.

Nhưng đúng như ông bà ta thường nói :

« Đời xưa quả báo thì chầy
Đời nay quả báo một giây nhân tiên »

CÁI nhân tiên của ba sau đó không lâu là cơ nghiệp tan tành và lúc đó không thấy một người bạn ở đâu. Cũng một thành phố nhỏ nhoi đó, nhưng trước kia dường như bất cứ ở ngõ hẻm nào ba cũng gặp mặt những người bạn và cả những kẻ hết sức quý lụy. Và khi mấy thùng lều nước mắm và những ngôi nhà xinh xắn không còn, thành phố nhỏ nhoi ấy như một bãi tha ma, trên ấy, ba chỉ có thể tìm thấy lại hình bóng một người bạn bà. Nhưng đã quá muộn rồi. Dòng sông kia đã ướp linh hồn người lạnh giá muôn thu. Đến đây con đã hiểu rồi chứ ?

Sau này, nếu cần tìm hiểu thêm người đàn bà đó hay ba thì con sẽ hỏi với Bà. Con sẽ là cháu của Bà. Bà ấy cũng một đời khổ khổ. Về xã Hưng Nhơn gần 7 năm ba tá túc nhà Bà và người đàn bà kia là con riêng của ông ấy. Nhưng con phải gọi bằng nội. Ông ấy qua đời đã lâu với bệnh suyễn dai dẳng gần ba mươi năm. Đã vậy còn say. Mỗi lần say bà chỉ biết khóc vì ông bạ món gì cũng đập. Con đánh đập và chửi rủa thì khỏi phải nói. Thế mà Bà chẳng mở lời than trách. Bà chỉ

khóc một mình. Những lần như thế đã quá nhiều. Và tuổi Bà có ít ỏi gì đâu.

Ba thường tự hỏi tại sao người ta phải sinh ra để chịu như thế ? Nhưng có một điều mà sau này ba mới trực nhận ra. Trước những điều khổ khổ đã đeo đẳng trong kiếp làm người, người ta còn tự tạo ra vô vàn khổ khổ cho mình, cho thiên hạ. Vì thế nên hôm nay con phải đọc chức thư này. Vì thế nên ba con ta không bao giờ gặp nhau nữa. Và dòng Cà Ty nhỏ nhoi hiền dịu đó, đã làm linh hồn « người đàn bà kia » lạnh giá suốt muôn thu. Chính ba cũng là một kẻ tạo ra vô vàn ác nghiệp. Sống ở đời thật là khổ khổ. Nhưng ba hy vọng rằng con sẽ làm ba mãn nguyện, nếu con thương ba và nhất là vì « người đàn bà kia » con sẽ có đủ can đảm làm theo lời của ba.

Nhất định là con có dư can đảm rồi. Bởi con được kết tinh trong một khổ đau vô hạn, và chỉ trong khổ đau vô hạn, người ta mới có thể làm được những việc to lớn vượt trên kiếp làm người của hần. Quê hương ta có dãy núi Ba Hòn, đó là hình ảnh bất diệt của ba chúng ta : Ba Hòn, dãy núi đó lúc nào cũng gắn liền nhau nhưng lại cũng tách rời ra.

Ba muốn nó sẽ là hình ảnh của con sau này. Suốt đời con hãy chỉ sống trên đó, quê hương của Bà, quê hương của Mẹ, đó là quê hương đích thực của con. Đời sống thành phố đã làm ba trở thành một kẻ bất lương và cuối cùng trở nên một kẻ khổ cùng trong tuyệt vọng. Đem theo đời sống của một

người đàn bà hiền hậu, tiết liệt vô song. Đời sống thành phố là đời sống lọc lừa, giả trá, lường gạt, đảo điên. Suốt đời con hãy chỉ sống trên đó. Đây là những lời cuối cùng của Ba. Đây là mệnh lệnh duy nhất của con. Mong con hãy vì « người đàn bà đó » mà chu toàn những lời coi như độc ác đối với con của Ba.

Thương con vô cùng.



Tôi bước trên đường với một nỗi rạo rức khó tả. Đó là tâm trạng chung của những lần trở về xã Hưng Nhơn. Nắng xanh xao trên những cành lá. Rừng reo lên khi một cơn gió nhẹ thoáng qua. Buổi sáng hôm nay sau mặt trời có vẻ như trong xanh hơn bao giờ hết. Những tầng mây trắng quen thói bành bồng hôm nay dường như đứng lặng. Tuy vậy khu rừng nhỏ vẫn vọng lên những tiếng nói riêng biệt của nó : tiếng những con chim hót, tiếng những chiếc lá lia cành, tiếng bụi tre cựa mình nghe răng rắc và một đôi khi tiếng con đò giạt mình đầu đó quất vang dội cả khu rừng. Còn một đoạn đường ngắn nữa thì ra tới Bàu Lát. Tôi nghĩ đến những bữa cơm thân mật với Bà và anh Hai. Có lẽ đó là những bữa ăn ngon miệng nhất, mà ngay đến sau này những khi ngồi vào các cao lầu sang trọng tôi cũng không làm sao quên được những bữa ăn ấy. Thực đơn rất giản dị : cơm gạo giã tay ăn với nước mắm cà chua luộc dầm ra chấm với ớt đậu hay ớt bí, vậy mà thật là ngon hết sức. Gạo giã tay vừa béo vừa thơm, ớt đậu thì vừa ngọt vừa

bùi và nhất là cà chua luộc dầm nước mắm có một hương vị thật là quê hương, thật là mặn mòi. Nghề canh tác chính của anh Hai là trồng cà chua và đậu. Từng mấy đám ruộng cà mênh mông, mỗi khi trái chín đỏ, nhìn thật là đẹp mắt. Những buổi chiều mát, hay buổi sáng tinh sương, tôi vẫn thường đi hái cà hoặc hái đậu với anh Hai. Những lúc ấy anh Hai thường hỏi tôi tại sao lại bỏ nhà ra đi. Tôi nói qua loa với anh Hai là gia đình tôi có chuyện buồn và vì vậy nên tôi không muốn ở đó nữa.

THỰC ra thì anh Hai lớn hơn tôi nhiều lắm. Và nếu trước mặt hai chúng tôi có một người thứ ba thì tôi thường gọi « Anh Hai » một cách thật là lóng cồng. Tôi nhớ lần đầu tiên gặp anh tôi gọi bằng chú Hai. Nhưng sau đó anh không cho kêu vậy nữa, anh bảo tiếng Chú nghe buồn lắm, anh thì anh không muốn già. Tôi hỏi vì lẽ gì, thì anh lộ vẻ buồn bã và nói rằng kêu anh thân mật và dễ chịu hơn. Từ đó trở đi tôi kêu « Anh Hai » một cách rất tự nhiên.

Đến gần căn nhà tôi tự hỏi không biết có việc gì đã xảy ra? Quanh căn nhà thật là hoang vắng khác với mọi lần khi tôi đến bìa ranh thì thế nào cũng có vài con gà lên tiếng chào hỏi, vừa cục tác vừa chạy thẳng vào nhà. Hôm nay mấy con gà đầu mất. Chuồng heo bên cạnh nhà tôi nhớ có năm con heo lớn hay kêu ụt ịt mỗi khi có ai đến nay cũng im lìm. Tôi đứng lại ngó mông về phía núi Tà Dôn xa xa. Trước mặt tôi con sông Cà Ty đang long lanh

dưới nắng mai. Cứ mỗi lần nhìn thấy con sông Cà Ty nhỏ nhoi, hiền dịu thì lòng tôi bỗng đầy tràn một nỗi xót thương nghe ràn rụa tâm hồn như một cơn gió khuya lách thếch cuốn theo tiếng gọi của cơn trùng rên rĩ. Ở đó có một thành phố đông đúc. Có những người tôi yêu dấu. Tôi đành phải bỏ đi. Nhưng ở đó còn có một tương lai mà tôi phải lựa chọn. Ở đó đã làm cho tôi biết nhẫn nhục và chịu đựng. Vì ở đó tôi thường mang một tâm trạng e thẹn khi phải đối diện với đám đông. Nhưng chắc rằng suốt đời tôi không làm sao quên thành phố đó, bởi một phần hơi thở ấu thời của tôi đã hòa nhập vào với cơn gió mặn nồng của biển khơi thổi về mỗi đêm đen rờn rợn những vong hồn thiên cổ

TÔI bước vội vào nhà anh Hai. Một thoáng thôi; tôi chợt hiểu rằng đời sống thật là khổn khổ. Cái quang cảnh đìu hiu của căn nhà làm cho nỗi buồn vỡ thành tiếng. Bà đang nằm trên giường, gương mặt già vốn đã nhăn nheo nay hóp lại như một chiếc sọ người. Thấy tôi Bà gấn giương mắt lên nhìn, nhưng thật là yếu đuối. Bà đưa tay chỉ vào cổ, tôi vội đi rót nước cho Bà. Hơi thở Bà nghe mệt nhọc lắm. Tôi đưa tay sờ lên trán Bà, trán Bà đã nghe lạnh nhưng lại có nhiều mồ hôi. Tôi tự hỏi có phải xuất mồ hôi hạn đây không? Và nếu như thế thì tôi phải làm sao. Bởi tôi có biết gì đâu. Đột nhiên tôi cảm thấy lo sợ vu vơ. Định thần một lúc, tôi nhỏ nhẹ hỏi Bà về việc vắng mặt bất thường của anh Hai và căn nhà trống trơn một cách kỳ dị như thế này. Bà khẽ

nghiêng lắc cái đầu như gắng hết sức, đoạn Bà áp tay lên ngực nói lên bằng một giọng run run yếu ớt.

— Thành phố... đi rồi...

Tôi không hiểu ất giáp gì cả. Một lát sau, tôi mới hiểu nghĩa ý của Bà. Bà định nói anh Hai đã đi về thành phố rồi, nhưng vì quá yếu ớt và gấn như không điều khiển được ý nghĩ của mình nên Bà mới nói như vậy. Tin ấy vừa làm cho tôi bàng hoàng, sửng sốt vừa gợi dậy trong tôi một nỗi nhớ thương thành phố mến yêu mà tôi phải bỏ ra đi. Nhưng ngay lúc đó tôi muốn biết vì lẽ gì anh Hai lại bỏ đi trong lúc Bà đau nặng và tất cả gia súc, đồ đạc trong nhà cũng biến đâu mất. Tôi vội chạy sang nhà thím Năm cách đó vài trăm thước. Tôi hít hã hối thím Năm đau với đứa con lên mười của thím. Nó hỏi «thầy mới về» và nói «má tui đi giặt đồ dưới sông». Tôi vội chạy xuống sông.

THẤY tôi thím Năm liền thu dọn và bung thau quần áo lên bờ. Không kịp cho tôi hỏi, thím lên tiếng ngay

— Nguy lắm rồi em ơi! Em có ghé thăm Bà chưa. Bà gấn chết ở bên. Thằng Hai nó mè con mẹ trời đánh ở dưới, nó tom góp tất cả đồ đạc, tiền bạc về thị thiềng đồ hội rồi.

Tôi buộc miệng nói ngay:

— Còn chú thím ở đâu mà không can gián anh Hai.

— Can gián chi được. Thằng Hai nó lậm con quỷ cái đó còn hơn lậm ban cua. Tao với chú mày can ngăn khuyên bảo thiệt hơn thì nó gây gổ và

chười cả chú mày nữa. Chú mày noidi giần đánh cho nó một bạt tai thì nó xách dao rượt òng chạy có cờ. Hiện giờ chú mày vô Suối Sung rước ông Thầy Bốn Tản Cư về lo trị liệu cho Bà. Ngó mời Bà nguy ngập lắm.

Bước vô nhà, chưa kịp phơi quần áo thím vội ra chái sau rót cho tôi một tô nước đậu sắn. Tô nước bốc hơi thơm ngát, màu nâu nhạt đặc sảng sảng. Sắn khát nước, tôi nốc một hơi gần cạn tô nước. Đắng xa tiếng một con gà gáy lên nghe lạc lõng rời rã. Nắng trưa lọt qua kẽ vách ván cây lổ đổ trên bộ phận bóng láng ở căn nhà trước. Trước nhà giàn đậu rỗng trái xanh biếc đầy tràn. Mệt mỏi tôi nằm xuống bộ phận một cách uể oải. Bấy giờ tôi không còn muốn nghĩ gì nữa cả. Trong cùng tận tâm hồn tôi cũng vừa khơi dậy một nỗi xao xuyến bồi hồi khó tả. « Thành phố... đi rồi »... giọng nói yếu ớt của bà lại vang lên trong đầu óc tôi một nỗi niềm gì nghe rất lạ. Như nắng trưa lay bay trên giàn đậu rỗng. Tôi đang bị giằng xé giữa hai ý tưởng : trở về quê hương là thành phố nơi anh Hai đã đi đến đó hay là cứ ở đây, sống lây lất bằng cách dạy i, t cho mấy đứa bé. Tôi chợt nghĩ rằng mình có nên trách cứ anh Hai hay không. Bởi dù sao, hiện giờ tôi vẫn nhớ thương thành phố đó một cách ray rứt, một cách xót xa. Thề xác tôi nghe như bông bễnh lơ lững.

Thím Năm ở sau nhà bếp đi ra, thấy tôi nằm duỗi dài trên bộ phận, thím bèn nói.

— Mệt cứ nằm nghỉ đi em. Bà

chưa đến nỗi gì đâu. Tao có sai thằng Luru qua coi chừng Bà ở bển. Dọn dẹp nhà cửa rồi một lát nữa tao cũng qua thăm Bà thử coi xem sao.

NHƯ nhớ lại câu chuyện tôi chợt hỏi thím Năm :

— Còn heo, gà làm sao anh Hai đem đi, thím ?

Thím Năm móc cục thuốc xia ném ra sân, nói.

— Ối, nó tìm đâu được chiếc ghe, khuôn chở cả ngày trời. Để coi rồi nó hối hận bây giờ, không lâu la gì đâu. Con quỷ cái đó là thứ bán trời không mời thiên lôi !

Để làm vui lòng thím Năm, tôi buột miệng hỏi tiếp :

— Úi cha, con mụ nào mà dữ dằn quá vậy.

— Chú mày nói lại với tao, hồi trai trẻ mấy năm về trước, chú mày cũng có về dưới có gặp con quỷ đó. Nó là dân cờ bạc chuyên môn. Thứ mèo đàng chó điểm đó mà. Hồi trai trẻ chú mày cũng quá trời.

Tôi nói ngay :

— Thế thì may cho thím lắm đó.

Thím Hai cười để lộ cả hàm răng đỏ khè.

— Chắc là kỳ này nó cạn túi mới mò lên thằng Hai. Thứ đó mà thằng Hai cũng mê thì tao không biết nói sao.

Tôi muốn nói ngay một câu « Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ. Vô duyên đối diện bất tương phùng » để

chọc tức thím Năm, nhưng tôi bỗng
sực ra, liền nói :

— Vụ này là do chú Năm chờ ai.
Chú quen con mụ đó nên chỉ đường
chỉ lối, con mụ mới mò lên đây chờ gì.

«Đâu phải ! » thím Năm nói giọng
cải cọ, «Hồi mùa nước ới năm ngoài
con quỉ đó không biết sao lại đi chung
với mấy người thả bè tre. Bè tre thả
xuống đây bị ngán vào bụi gai, nên
họ phải ở lại mấy ngày trời, chờ nước
dứt. Dịp đó, thằng Hai mới quen với
con quỉ đó chờ. Nó có lò mò đến đây,
ối, cái miệng ngọt xớt như đường
phèn.

Tôi cười hỏi:

— Chắc mấy ngày đó thím chần
chú Năm giữ lắm.

— Thím cười nhẹ và ngó mong ra
bờ sông.

— Thôi, em nằm nghỉ để tao qua
thăm Bà.

Lúc đó, thằng Lưu, con thím hốt
hãi chạy vào nhà, nó nói giọng sợ sệt.

— Bà ngáp ngáp gần chết ở bên.

TÔI ngồi nhồm dậy. Con sông
Cà Ty trước mặt đang long lanh
màu mây trắng ngồn ngang, chông
chất. Tôi bước xuống bộ phận đi ra
ngoài giàn đậu rồng. Thím Năm hỏi
hả chạy qua bên nhà Bà. Tôi không
thể nào bước đi được. Tôi đứng lặng
đó trong một cảm giác quẩn quại
khôn cùng. Tôi nghĩ đến mối tình
thắm thiết hơn ruột thịt giữa Chú
Năm và anh Hai ; vậy mà cuối cùng
anh Hai vác dao rượt chú Năm. Tôi
tự hỏi không biết do động lực nào.
Làm người quả thật rất khó. Và sống
ở đời sao cho trọn vẹn với mọi người
lại thật khó hơn. Tôi nghĩ Bà sẽ chết
trong giây phút thôi và vì thế nên tôi
cứ đứng ở đây. Tôi không muốn thấy
khuôn mặt già nua đó một lần nữa.
Bởi tôi đã sợ. Thành phố kia không
xa lắm chỉ phía dưới cùng con sông
này. Con sông nhỏ nhoi này nước
cứ chảy hoài ra biển. Còn hiện giờ,
nỗi buồn kia không biết trôi chảy
về đâu ?

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ ★ LÁ BỐI XUẤT BẢN

Thư từ, bài vở,
án phẩm gửi về:

HOÀI KHANH

190, Lý thất Tò — SAIGON

B.T. SG. 026

Bưu phiếu xin đề:

Cô CAO NGỌC THANH

không độ, nếu không có việc gì cần kíp lắm thì không nên đi ra ngoài. Cho nên từ sáng đến giờ tôi cứ ở mãi trong phòng. Buổi trưa Saphir đem đến cho tôi một ít thức ăn khô trộn với sữa. Chiều nay có tuyết, chắc rằng bớt lạnh. Thế nào tôi và Saphir cũng tới campus center để nấu một vài món ăn nóng ăn cho ấm bụng. Campus center cũng gần đây thôi, Nguyễn Hưng. Xa Brown Hall chừng ba bốn mươi thước.

Mùa Đông sẽ còn kéo dài mãi đến cuối tháng ba. Tuyết rơi thì đẹp thật nhưng ba bốn ngày sau lại trông rất xấu xí, bởi vì tuyết đã đóng cứng lại và trộn lẫn với đất và bùn rồi. Một miền xơ xác đầy rác rến và vũng bùn như các xóm nghèo ở xứ ta mà sau một đêm tuyết rơi cũng trở thành điểm lệ không cùng. Nhưng mà thôi, quê hương ta tuy không có tuyết nhưng cũng có những cảnh đẹp mà các xứ như xứ này không có được: những thôn quê có từng hàng dừa in bóng trên các dòng sông, những thành phố sáng chói hoa phượng vĩ... Mùa Đông ở đây có khi dài quá thành thử ai cũng trông ngóng cho nó qua đi để cho mùa Xuân trở về. Sau những đêm tuyết rơi nhiều quá, buổi sáng dậy xe cộ không thể lưu thông được. Xe xúc tuyết phải được huy động gấp để dọn đường. Trời rét quá khiến tuyết không tan và phải đóng thành băng: những tai nạn gãy tay gãy chân vì trượt ngã trên những nẻo đường trơn vì băng không phải là hiếm. Đi trên những con đường như thế còn khó chịu và nguy hiểm gấp mấy lần đi ở các con đường đầy vũng nước hoặc lầy lội nữa, Nguyễn Hưng. Những bữa nhiều tuyết, tôi phải mang thêm một đôi ủng cao su ra ngoài đôi giày thường nhật nữa. Bởi vì nếu chân mà bị ướt sưng thì thế nào khi về nhà cũng bị cảm mạo. Ở bên này mà ốm thì thật là khổ, không có lấy một người thân

săn sóc. Vậy cho nên tôi phải giữ gìn cẩn thận lắm. Nguyễn Hưng.

N G O À I màu tuyết tươi sáng, mùa Đông chỉ còn mang có một màu xám buồn tẻ. Những thảm cỏ xanh không còn nữa. Cây cối trơ những cành gầy không lá ra mà chịu đựng. Sức sống của đất trời như bị bóp chẹt lại. Nguyễn Hưng, cái hồi cuối thu, khi lá đã rụng hết rồi mà trời quả chưa có gì là lạnh ấy, một hôm ngồi nhìn ra những hàng cây trụi lá bỗng nhiên tôi thấy cảm thương dâng ngập tâm hồn. Tôi thấy như là cây cối cũng ngang hàng với những sinh vật có linh hồn, có hiểu biết, có lo lắng, có chuẩn bị. Lá rụng dần, rụng dần cho đến khi cành hoàn toàn trơ trụi. Mỗi ngày nào đây tàng lá xanh của chúng làm tươi cả một vùng và che lấp những dãy nhà phía sau chúng: bây giờ chúng đứng trơ trụi và khổ hạnh sẵn sàng chờ đợi và chịu đựng một mùa Đông băng giá dài đặc sẽ đến. Những chiếc cành xương xẩu của chúng in rõ trên nền trời xám, nền trời mà trong suốt mùa hạ đã hoàn toàn bị che lấp sau tàng lá xanh. Một mùa Đông băng giá sẽ tới và không thể dung tha những gì non nớt, bé bỏng và phù hoa. Phải vượt qua những giai đoạn non nớt bé bỏng và phù hoa đi để mà chịu đựng. Phải già dặn, phải cô độc, phải sẵn sàng nghiền răng mà chịu đựng. Nhìn những hàng cây trụi lá đứng đợi chờ một cách anh dũng và bền bỉ mùa Đông sẽ tới, tôi cảm nhận được tất cả ý nghĩa của bài học về sự chuẩn bị chịu đựng. Nhớ tới hai câu thơ của Lý, tôi lại rùng mình. Đất nước chúng ta thế nào rồi cũng phải trải qua một cơn bão táp tàn khốc. Chế độ (1) đã gây nên quá nhiều bất công và áp bức, đã xử dụng tiền bạc và bạo lực để thực hiện những

(1) chế độ Ngô đình Diệm

tham vọng của mình. Bất mãn và căm thù càng lúc càng tăng và hiện những phần tử vì phần uất gia nhập hàng ngũ Mặt trận giải phóng miền Nam để chống đối đã không phải là ít. Chất liệu bất công, tàn ác và thối nát đã nuôi dưỡng và làm cho lực lượng chống đối càng lúc càng mạnh. Nay thì chính phủ đã ban bố tình trạng khẩn trương rồi. Chín năm trời, Nguyễn Hưng ơi, đã chín năm trời rồi mà rốt cuộc chúng ta lại đi vào tình trạng này. Một cơ hội tốt đã mất. Sóng gió sẽ đến bất cứ vào lúc nào. Chúng ta không thể vô tâm vô tư được. Phải bắt chước những hàng cây kia, rụng hết tất cả mọi lá phù hoa đi để mà sửa soạn chịu đựng bão táp, mưa gió, tuyết sương. Chúng ta không thể nào còn bé bỏng và non nớt được nữa. Chúng ta phải già dặn, phải khổ hạnh, phải vững chãi để mà vượt qua cơn thử thách sắp đến.

N GUYỄN HƯNG, trong những tuần lễ theo sau ngày mà tôi học được bài học của những hàng cây trụi lá ấy, ban đêm tôi thường có những ác mộng kỳ lạ. Để tôi kể cho Nguyễn Hưng nghe hai giấc mộng trong số những giấc mộng kia, hai giấc mộng mà bây giờ nghĩ đến tôi còn rùng mình. Hai giấc mộng mà tôi còn nhớ thật rõ. Giấc mộng sau với giấc mộng trước gần như là cách nhau có một phút, trong cùng một giấc ngủ.

Tối đó tôi bị cảm, và vì đã uống thuốc rồi mà không bớt nên tôi nhờ Steve cạo gió cho tôi bằng Vicks, thứ dầu cù là địa phương. Thực ra Steve chỉ biết xoa thôi, nhưng tôi dạy cho chú ta dùng một cái thìa để cạo gió theo kiểu miền Nam, cho đến khi nào lưng tôi đỏ bầm lên mới thôi. Vì có như thế tôi mới thấy ấm áp thực sự và cảm giác ở n lạnh

sau lưng mới tan biến đi. Steve cho đó là một điều kỳ quặc, bởi vì bên này không ai chữa bệnh mà phải làm cho da thịt bầm tím như thế bao giờ. Tuy vậy Steve vẫn chiều theo ý tôi. Ấm lưng rồi, tôi mới uống thêm một viên Corricidin nữa, với nước nóng, và đắp chăn lại, chai dầu cù là và bình nước vẫn để đầu giường. Đêm đó, trong giấc mộng thứ nhất, tôi thấy người em thơ yêu dấu của tôi, đứng ở gần cửa ra vào của một căn phòng rất rộng rãi, xa tôi đến chừng mười mấy thước. Người em đó là ai, quả thực tôi không biết rõ. Tôi chỉ biết một cách rất mơ hồ rằng đó là người tôi yêu mến nhất, còn thơ dại, còn yếu đuối và cần phải bảo vệ. Bây giờ nếu ngồi nghĩ kỹ lại để xét từng người quen thuộc thì tôi cũng không thể đồng nhất người trong giấc mộng ấy với ai cả. Với Hưng chăng? Châu chăng? Phượng chăng? Huệ chăng? Toàn chăng? Có lẽ đều không phải. Hoặc có lẽ là hình bóng tổng hợp của tất cả, và nhiều nữa. Trong lúc ấy, một người khổng lồ từ ngoài cửa đi vào, một người dữ dằn cao lớn, như một hung thần, như một con quái vật; với hai bàn tay khổng lồ, kẻ đó sắp túm lấy em tôi, túm lấy để tiêu diệt. Khoảng cách giữa tôi và kẻ đó rộng quá, tôi không thể chạy tới để can thiệp kịp lúc được. Mà tại sao chân tôi như dính cứng vào đất thế này? Trong giây phút nguy nan đó, bản năng tự vệ—tự vệ đây có nghĩa là bảo vệ cho em tôi, khiến tôi liệng ngay vào kẻ hung dữ kia một vật mà tôi có sẵn trong tay, một vật nặng nặng mà tôi không biết là vật gì. Có lẽ lúc đó có cái gì trong tay thì tôi cũng liệng, dù cho cái gì ấy chỉ là một vật thật nhỏ thật nhẹ như cây bút, tờ giấy hay một viên phấn. Tôi liệng cái nặng nặng ấy vào kẻ kia với tất cả sức lực bình sinh của tôi. Nhưng hẳn tài quá: hẳn đưa tay ra bắt ngay được. Khi hẳn bắt

được vật ấy rồi tôi mới biết được rằng đó là một chiếc cưa tay, hình vòng cung, ta thường dùng để cưa những tấm ván nhỏ. Nguy quá, như thế là tôi giúp cho nó một khí giới để tàn hại em tôi! Trước đau đớn vô biên của tôi, kẻ kia cười sằng sặc và cưa em tôi ra làm hai mảnh như cưa một cây chuối non dại.

TÔI đang khóc thảm thiết thì bỗng thức dậy. Đầu óc tôi nặng trĩu. Nhưng tôi lại thiếp đi ngay và mơ thấy giấc mơ thứ hai, ngay sau đó. Tôi thấy tôi đang ở trong một căn phòng khá rộng có bày biện bàn ghế hẳn hoi chứ không phải là một căn phòng trống trải như trong giấc mơ trước nữa. Tôi thấy một con rùa nhỏ bé bằng đồng, con rùa theo hình dáng những cặp rùa mang trên lưng những chân đèn cắm nến thấy trên các bàn thờ quê nhà. Con rùa ấy tượng trưng cho gì thì tôi không biết rõ, nhưng tôi biết là rất thân thiết rất thiêng liêng đối với tôi. Không hiểu do đâu mà tôi biết được rằng nó đang lâm nguy, đang bị ốm nặng và sẽ phải chết. Mà cái chết của nó có liên hệ mật thiết đến cả hiện hữu tôi. Lo cho con rùa tôi mới đi lấy dầu cù là xoa vào lưng nó và đánh gió cho nó (Nguyên Hưng đứng cười). Tôi làm công việc ấy với tất cả thận trọng, sốt sắng trang nghiêm và tin tưởng. Nhưng bỗng nhiên con rùa kêu khóc. Kêu khóc bằng cách nào tôi không biết. Tôi chỉ biết là bệnh tình nó trở nên trầm trọng do một sự vụng về nào đó của tôi. Tôi xem xét lại thì thấy có một đường nứt trên lưng con rùa. Tôi hoảng hốt nghĩ rằng có lẽ dầu cù là thấm vào đường nứt ấy đã gây tác động nguy hại cho lục phủ ngũ tạng của rùa. Và con rùa sắp chết. Tôi hoảng hốt thêm định lấy một cây tăm khươi bớt chất dầu cù là ở trong kẽ nứt trên lưng rùa ra, nhưng chậm mất rồi. Có một thứ âm

thanh kỳ bí nào nói thẳng tới tâm hồn tôi, cho tôi biết con rùa đang dần chết. Lúc đó trong trạng thái tuyệt vọng và hối hận vô song tự nhiên tôi quỳ xuống rung rung cầu nguyện. Cầu nguyện ai tôi không biết. Tôi chỉ biết là chỉ trong dáng điệu ấy tôi mới thấy thích hợp với tâm trạng tuyệt vọng và hối hận đang ngự trị trong tôi. Nhưng con rùa đã quần quai dần chết. Nó uốn éo như một chiếc bong bóng cao su bị dãn ép không biết vỡ khi nào. Rồi bỗng nhiên nó vỡ tung và các tia nước từ nó bắn ra tứ tung, một tia nước bắn thẳng về phía tôi. Tôi nhảy lùi một bước tránh tia nước đó. Tia nước rơi xuống một nơi trước mặt tôi và biến thành một vật gì nhỏ bằng một cái khuy, xoay tít như chong chóng. Đến khi vật ấy hết quay, tôi nhìn rõ thì ra là một bông hoa bốn cánh trắng như hoa lan. Rồi bỗng nhiên tôi thấy tôi đứng ở ngoài đường và một số người bị ốm liệng vào phía sau một chiếc xe cam nhông to lớn. Những người này bị liệng lên xe một cách tàn nhẫn quá khiến cho có rất nhiều người trong đó bị gãy đôi, gãy đôi một cách dễ dàng như những con người làm bằng chất sành chất sứ.

Thế rồi những chiếc xe cam nhông rồ máy chạy vút đi như bay để lại cho tôi một khoảng không gian rộng lớn đầy những bụi mù đỏ chạch. Lúc đó tôi thức dậy. Tim tôi đập thình thịch. Đau khổ trong giấc mơ còn làm cho tôi tê dại cả người. Tôi đưa tay lên vỗ nhẹ trên trán và cố gắng mỉm cười. Nụ cười đến trên môi tôi thực, như tôi đã ước muốn. Nhưng gian phòng im lặng của tôi vẫn còn phảng phất không khí rùng rợn của giấc mơ. Mồ hôi ướt đầm cả trán, cả gối, cả áo. Tôi làm một ít cử động, cố sức ngồi dậy, lấy khăn lau sạch mồ hôi và đi thay áo. Tôi không dám ngủ nữa. Tôi thắp một cây nến, bởi vì ánh điện sẽ sáng quá và sẽ làm tôi mệt, và

ngồi làm massage cho máu trong người chảy đều. Tôi ôn lại những chi tiết của hai giấc mơ (hay là một giấc mơ?) và cố tìm cách giải thích. Nhưng tôi không giải thích được.

BA N đầu thì tôi nghĩ có lẽ tất cả đều phát sinh do những e ngại về hiệu lực của những suy tư của tôi, có thể đã không giúp gì cho việc đóng góp vào tình thế hiện thời của chúng ta mà còn có thể vì những vụng dại của chúng mà làm cho tình thế ấy càng thêm bế tắc. Nhưng sau nghĩ kỹ lại thì tôi thấy không phải như thế. Chính mấy hôm sau đó tôi đem những giấc mơ kể lại cho một số những người quen. Gordon đã hùng biện giải thích bằng nhiều cách, nhưng chẳng có cách giải thích nào phù hợp với thực trạng tâm linh của tôi cả. Có thể đó là phát biểu của những lo ngại tập thể, hoặc cũng có thể chỉ là những hình ảnh chấp nối đầu Ngô mình Sở trong một tình trạng thân thể còn bị đau ốm đang chịu tác động của thuốc men, chẳng có nghĩa lý gì cả.

Dù sao, Nguyễn Hưng ơi, tôi vẫn thấy mang máng rằng những giấc mộng kia có liên hệ xa gần với những câu thơ của Lý. Nếu phong ba bão táp đến, thì tôi ước muốn được có mặt để cùng được chịu đựng với tất cả mọi người. Đứng đề đến khi tôi về, thì chỉ còn « một khung trời đồ nát » trong đó tôi chỉ tìm được hình bóng của những người thân yêu ở « trong tận đáy lòng » của tôi.

Nguyễn Hưng ơi, hồi tôi rời Medford và những khu rừng hiền lành, những chiếc hồ rộng lớn của nó thì tôi chỉ kịp ghé Princeton có hai ngày trước khi tôi về Nữ Uớc lại... Cái thành phố có những chiếc nhà chọc trời ấy không thích

hợp với tôi chút nào. Ở đây thì chỉ có một cái lợi là được gần gũi những sinh hoạt văn hóa. Luôn luôn có diễn thuyết hay, có triển lãm giá trị. Luôn luôn có những buổi đại hòa tấu. Nữ Uớc có bao nhiêu thư viện, bảo tàng viện và bác cồ viện lớn. Kỷ niệm ngày đầu tiên tới Nữ Uớc vừa buồn cười vừa bực bội. Ngày ấy Gordon đưa tôi từ Princeton tới Nữ Uớc bằng chiếc xe rộng rãi của anh. Sau khi nhận phòng và đem đồ đạc lên rồi, tôi mới cùng Gordon đi phố để mua ít vật dụng cần thiết. Tôi nhớ là khi chúng tôi đang đi trên hè phố Amsterdam, thì có một người vào khoảng bốn mươi, ăn mặc chừng chặc chạy lại gần chúng tôi. Người ấy nói giọng bô bô có vẻ như là đã quen thân với nhau trong xóm làng lâu rồi. Ông ta reo lên: « A! mặc cái áo gì ngộ quá vậy? Có phải cái áo thầy tu đạo Phật không ». Nguyễn Hưng cũng biết là khi đi ra ngoài phố tôi thường mặc áo nâu chứ ít khi mặc áo xám. Gordon trả lời thay tôi: « Phải đấy thưa ông ». Chúng tôi dừng lại bên hè đường nói chuyện. Vẫn bô bô ông ta hỏi tôi từ xứ nào đến. Khi nghe tôi nói từ Việt Nam, ông ta có vẻ ngỡ ngàng không biết Việt Nam là xứ nào, nằm ở góc nào trong bản đồ thế giới. Thế rồi ông ta hỏi: « Thế thì đạo Phật có tin đức chúa Jésus không? » Câu hỏi hướng về tôi. Tôi trả lời « Có chứ ». Ông ta ngạc nhiên hỏi tại vì sao. Tôi có cảm giác khó chịu, bởi vì đứng ở ngoài đường thập-mục sở-thị không tiện đàm luận đến những vấn đề như thế. Gordon đỡ lời: « Thực đấy mà, thầy ấy nói thực đấy mà ». Ông ta phân bua với tôi: « Ở đây thiên hạ bày ra điều này, điều nọ, và cho đó là lời của chúa Ki Tô. Họ bán Trời bán Phật mà ăn đấy, các ông ạ. » Rồi ông ta còn thao thao bất tuyệt về vấn đề ông ta vừa nêu ra. Đề cắt đứt, tôi mới hỏi: « Thế ông theo đạo nào, thưa

ông ?» Ông ta nghiêm trang rút ví da ra và nói : «Tôi theo đạo này». Rồi ông loay hoay mở ví, có lẽ đưa cho chúng tôi xem một chứng minh thư hay một thẻ tín đồ của một giáo phái nào đó. Kỳ thực, ông ta chỉ rút ra một xấp giấy bạc đô la, và lập lại «Tôi theo đạo này». Thì ra ông theo đạo tiền. Gordon cười ha hả. Tôi cũng cười đến chảy nước mắt. Tôi chào người bạn ngộ nghĩnh vừa gặp và kéo Gordon đi theo. Tôi nói «Tuy vậy nhưng cũng khá khen ông ta là người chân thật, dám nói những điều mình nghĩ.»

Không biết Gordon nghĩ gì khi tôi cho anh biết rằng người kia là người dân Nữu ước đầu tiên mà tôi gặp và nói chuyện. Chúng tôi ghé vào một tiệm hấp nhuộm y phục, bởi vì tôi muốn thuê nhuộm lại mấy cái áo trắng nâu của tôi bây giờ đã bạc màu rồi. Tiền nhuộm đắt quá khiến tôi ngần ngại. Một lát sau ông chủ tiệm nói với tôi : «Mà ông nhuộm làm gì đã chứ. Tôi biết là trong vòng vài ba tuần lễ, ông sẽ liệng những cái áo rắc rối ấy để mặc đồ tây cho mà xem. Những người ngoại quốc đến đây mới đầu thì mang quốc phục họ, nhưng sau đều mặc đồ tây cả ». Tôi cũng không buồn cho ông ta biết là áo tôi đang mặc không phải là quốc phục nào cả, và tôi cũng không phải là một người chân ướt chân ráo tới cái xứ này. Chúng tôi nói lời cảm ơn và bỏ đi.

Buổi chiều hôm ấy tôi rủ Gordon về tiệm ăn Việt Nam ở đường Amsterdam, tiệm ăn duy nhất bán thức ăn Việt Nam ở đây. Hồi ở Princeton, đọc báo tôi có thấy quảng cáo về tiệm ăn này và đã cẩn thận ghi địa chỉ lại trong sổ tay. Chúng tôi đi bộ ngược lên đường 121 mới tìm ra được tiệm. Khi chúng tôi vào thì tiệm vắng người. Có hai

người sinh viên Việt hầu bàn, một nam một nữ, đang ngồi nói chuyện thấy chúng tôi vào liền chạy ra mời. Chúng tôi tìm một góc để ngồi. Có lẽ cả hai đều đã phải xa nhà từ hồi còn bé nên không nhận được ra tôi, người đồng hương trong chiếc áo nâu. Người con gái nói tiếng Anh thật hay hỏi tôi có phải là người Miến Điện không. Tôi cười gật đầu. Gordon cũng cười. Chúng tôi gọi vài thức ăn chay, rồi hỏi chuyện hai người về lai lịch cái tiệm ăn này. Mãi đến khi từ giã tôi mới cho hai người biết rằng tôi là người Việt. Cả hai đều mừng rỡ vì họ cũng thuộc về một Gia đình Phật tử. Sau này tôi biết chính chị Bạch Lan điều khiển quán ăn. Chị nói chị cũng bận dạy học trong trường nên không có nhiều thì giờ chăm sóc quán. Cái quán ăn, chị nói, có giá trị tương đương với cơ sở văn hóa của một tòa đại sứ. Người đến ăn phần lớn là những người trí thức. Những món ăn, những bức họa, những đĩa nhạc và nhất là những câu chuyện cùng những người hầu bàn đã giúp cho khách hiểu biết và yêu mến Việt Nam. Mà cái quán ăn ấy cũng oai thật đấy, Nguyễn Hưng. Người hầu bàn nào cũng nói được ít nhất tiếng Anh và tiếng Pháp rất thông thạo, và có thể nói từ những câu chuyện ăn uống đến những câu chuyện thời sự, chính trị, văn minh, rất đứng đắn. Cậu sinh viên tôi gặp hôm ấy nói tiếng Đức rất giỏi.

ĐÓ là những gì tôi không quên về ngày đầu tiên tôi đến với thành phố nhộn nhịp kia. Mùa thu năm nay khi trở về, tôi đã quen thuộc với khung cảnh hơn, dù vẫn thấy rằng những ngày ở rừng Medford quá ngắn. Từ đầu mùa thu tôi được nhận làm việc tại trường Đại học Columbia. Tôi dạy mỗi tuần sáu giờ, ngoài ra còn có một số giờ phải

ngồi văn phòng đề tiếp sinh viên và giúp đỡ cho họ về việc sưu tầm tài liệu. Lương tôi được ba trăm năm chục đồng; như thế tương đối khá giàu. Trong những người sinh viên của tôi có một cặp bạn rất thân, đó là David và Steve. Steve thích tôi lắm và đã đề nghị thuê chung một cái nhà với tôi. Tôi bằng lòng ngay. David thường đến chơi và ở lại ăn cơm với chúng tôi. Chúng tôi có những buổi tối thân mật, có lẽ êm ấm hơn cả những buổi tối gia đình.

Cái chú Steve ấy, đề tôi nói cho Nguyễn Hưng nghe, đã ăn chay trường với tôi trong suốt mùa thu qua và cả nửa mùa Đông này nữa. Tôi hỏi ăn chay có yếu đi không, chú ta bảo là không. « Trái lại còn thấy khoẻ mạnh thêm ». Từ ngày có Steve, chúng tôi tự nấu ăn lấy mỗi ngày và ngày nào cũng được hai lần ăn cơm, bằng đũa. Steve cầm đũa khá vững vì đã được ở lại Nhật Bản mấy tháng mùa hè năm ngoái.

Chỉ sau mấy ngày gặp Steve, tôi mến chú ta liền, cũng thân thiết như với Hưng và Tuệ vậy. Steve cao bằng tôi, tóc hơi vàng và rất mềm. Cằm anh ta hơi nhọn. Mắt màu nâu. Rất giàu tình cảm và có tính cách nghệ sĩ. Steve rất ham triết học đông phương; từ mùa thu chú ta đã ghi tên học những lớp đông phương học, kể cả một lớp Hoa ngữ. Cứ nhìn thấy cậu ta ngồi tập viết chữ nho cũng đã thấy thương. Không có sự vui buồn nào trong đời mà Steve lại không về kể lại với tôi. Tôi hay có những nhận xét về các suy tư của Steve và anh chàng thường ngồi chăm chú đề mà nghe; đôi khi nhiu lông mày đề làm nhăn một tí cái trán thông minh của nó. Thỉnh thoảng chúng tôi cũng có hơi giận nhau, nguyên do là vì

Steve vẫn còn quen cái thói tiếp nhận theo đầu óc Tây Phương, và tôi, tôi cứ nghĩ rằng tôi không diễn tả bằng cách nào hơn là bằng cái cách đông phương của tôi. Thôi phải, chắc Steve nhiễm cái đường lối của giáo sư Cerbu « go East but stay West » rồi. *stay West* thì làm chi mà có thể thực sự *go East* được, hả nguyên Hưng.

CÁI apartment chúng tôi thuê với giá 150 đồng bạc mỗi tháng có một phòng ngủ, một phòng sống, (có lẽ cái phòng ngủ là cái phòng chết!), một phòng tắm, một cái bếp và một cái hành lang. Đó là địa chỉ của tôi bây giờ: 306 West 109th Street. Chúng tôi ở tầng thứ năm, có hai cửa sổ lớn nhìn ra đường. Phải nhìn nghiêng mới thấy được một mảnh trời, về phía Morning Side. Những bậu ghế giường nệm chén bát soang chảo đều do Steve chở về, nên khi thuê nhà tôi chẳng phải lo lắng gì cả. Steve là con một của ông khoa trưởng một trường kỹ thuật nổi tiếng ở Massachusetts, dòng dõi thông minh nhưng không thích khoa học, kỹ thuật. Mẹ của Steve có đến thăm một lần cách đây chừng nửa tháng và mang cho chúng tôi vô số thức ăn ngon.

Người ta phân chia công việc như thế này: tôi thì lãnh phần nấu ăn và rửa bát, còn Steve thì đi chợ và dọn dẹp lau chùi nhà cửa. Steve phải đi học nhiều nên tôi phải ra tay làm nội trợ. Mỗi ngày tôi chỉ cần có mặt ở trường vài giờ đồng hồ, những giờ dạy và những giờ ngồi văn phòng — Từ khi thuê được nhà, tôi thường hay ở nhà làm việc, thiếu tài liệu gì thì nhờ Steve mượn ở thư viện giúp. Tôi có cái thẻ có thể mượn một lần hàng mấy chục

cuốn sách, và mượn như thế trong nửa tháng. Ngồi ở nhà ấm áp một mình, tôi làm được nhiều việc hơn. Nấu ăn cho Steve cũng là một sự thích thú. Có thể là món gì do tôi nấu ra Steve cũng khen ngon cả — tôi nghĩ Steve có thể ăn chay suốt đời mà không biết chán và tôi cũng có thể nấu cho Steve ăn hoài mà không sợ tốn công.

Cố nhiên là cậu ta không biết đi chợ — tôi phải dẫn Steve đến một tiệm bán thực phẩm đông phương ở gần đây và chỉ cho cậu « đi chợ » trong những lần đầu. Chúng tôi mua nấm hương, tàu yều, đậu phụ, củ cải, khô qua, dưa cải v.v.. Rau đậu tươi thì Steve có thể tự đi mua ở bất cứ một nhà bán thực phẩm nào khác dọc đại lộ Broadway. Chúng tôi tìm được chỗ mua gạo thật ngon và mua từng chực ký chứ không mua từng hộp nhỏ như những gia đình khác. Thường thường những hôm đi học về sớm, Steve ghé chợ và mua hai giỏ thức ăn về chất đầy chiếc tủ lạnh lớn đặt trong nhà bếp. Cái nhà bếp của chúng tôi thật sạch sẽ và trang nhã. Steve lau chùi nhà bếp và nhà tắm gần như mỗi ngày. Bếp nấu gaz cho nên rất tiện lợi. Sáng nào tôi cũng dậy sớm và sửa soạn điếm tâm cho hai người. Thường thường, Steve thức khuya và chỉ dậy đủ sớm để ăn điếm tâm rồi đi học ngay. Có bữa tôi cũng đến trường cùng Steve một lần nhưng chỉ độ mười một giờ là tôi đã trở về. Tôi làm việc một lát rồi đi thời cơm và làm thức ăn. Mười hai giờ mười lăm thì Steve về, lần nào cũng đói mèm, và chúng tôi ngồi vào bàn ăn. Thức ăn bao giờ tôi cũng làm chung cho cả bữa chiều. Tôi giữ phần chiều trong tủ lạnh; đến tối tôi chỉ cần thời cơm và hâm lại thức ăn cho nóng thôi.

BUỔI chiều tôi thường không đi ra ngoài. Tôi viết lách, đọc, soạn bài, trả lời thư từ. Có việc cần tôi mới đi vào trường hoặc vào thư viện. Thỉnh thoảng David cùng về với Steve, và chúng tôi ăn cơm với nhau trong phòng khách một cách im lặng, trang nghiêm. Sau những bữa cơm như thế, tôi để cho Steve nói chuyện với David và đi rửa chén bát. Tôi rất ưa công việc này vì tôi thấy trong khi đứng rửa chén bát tâm hồn tôi luôn luôn an tĩnh, vui vui. Có khi tôi vừa nghịch với những chiếc bóng xà phòng vừa hát nho nhỏ những bài hát học được hồi còn bé thơ. Nước vừa ấm thật dễ chịu. Tôi lau chùi cái bếp gaz rất sạch sẽ, soạn lại đồ đạc, đi tắm ngâm mình trong nước nóng, thay áo và ra ngồi góp chuyện với hai người trẻ tuổi. Những buổi tối như thế thật êm đềm. Steve biết tính tôi, đi tắt điện, thắp lên vài ngọn đèn nền cho mát mắt và để cho chúng tôi nghe một ít những bản nhạc tâm linh ưa thích. Những lúc đó chúng tôi thường không nói chuyện nữa, chỉ ngồi yên và theo đuổi những dòng suy tư của mình.

David thường ở với Steve rất khuya; thường thường khi nào tôi bảo về thì mới về. Có lúc hai người bạn đi với nhau suốt ngày và tôi ở nhà một mình, nấu cơm một mình, ngồi vào bàn ăn một mình.

Nguyên Hưng, tôi biết Steve thương tôi thực sự. Steve nghe tôi nói về tình trạng đất nước chúng ta với tất cả sự chăm chú và xót xa. Tự nhiên Steve muốn cùng về Việt Nam, và nếu có thể được, cùng nuôi ước mộng tìm lại Phương Bối. Tôi đã nói cho Steve nghe về tình yêu của chúng ta đối với Phương Bối. Tôi đã nói đến Phương Bối như một chút lửa hồng không bao giờ tắt trong tâm hồn mỗi người chúng

ta. Tôi đã nói đến Phương Bối như chất liệu tâm linh cần thiết cho mọi ước ao, mọi xây dựng. Có thể là tôi đã quan trọng hóa cái Phương Bối quá, nhưng mà tại sao mắt Steve lại sáng như thế mỗi lần nó nghe tôi nói đến Phương Bối? Steve quyết sẽ học tiếng Việt và tôi cũng đã bắt đầu dạy cho Steve những câu đàm thoại đầu tiên. Steve rất ham học ngoại ngữ. Nói tiếng Pháp còn chập chững mà đòi làm thơ. Rồi trong những lúc đi chợ mua thức ăn, cứ nấn ná ở lại để tập nói tiếng Tàu với cái cô bán hàng người Trung Hoa. Steve đã bập bẹ nói được tiếng quan thoại rồi đấy. Steve bảo nhất định phải học nói cho được tiếng Việt bởi vì anh chàng rất thích dự tính của tôi về làm một cái làng thật dễ thương ở miền quê, trong đó một số anh em sống thật thân ái với nhau và thật hữu ích cho mọi người.

STEVE dành làm tất cả những công việc khó nhọc. Biết tôi rất có thể bị cảm khi ra ngoài lạnh nên Steve dành đi những công việc mà Steve có thể làm thay tôi được. Tội nghiệp, những hôm tôi bị cảm, Steve phải « cạo gió », và vì hai bàn tay của

Steve khá mạnh, chẳng mấy chốc mà tôi đã thấy ấm áp. Nếu tôi không bớt thì Steve lại gọi điện thoại cho bác sĩ Cushman.

Steve không được sung sướng mấy khi nghĩ đến gia đình. Hè năm ngoái trong khi ở Nhật Bản, anh chàng có làm quen được với một thiếu nữ Nhật và hai người đã trao đổi thư từ thân mật từ đầu mùa Thu đến nay. Người bạn gái Phù tang tên là Hạnh Trí Tử, hẹn sẽ sang thăm trong mùa xuân tới và Steve cứ nhắc hoài đến dịp ấy. Nếu không bị gia đình gọi thì Steve đã có thể theo tôi về Princeton trong dịp lễ giáng sinh này rồi. Nó đã về Boston bằng máy bay hai hôm trước khi tôi rời New York. Căn nhà chúng tôi hiện giờ ở đường 109 có lẽ đang lạnh lẽo, không đèn, không đuốc, không hơi ấm. Còn tôi, tôi đang ngồi đây, giữa lòng Princeton quen thuộc. Trời đã chạng vạng rồi. Ngoài kia, tuyết vẫn rơi. Tôi sẽ đi tìm Saphir — chúng tôi sẽ đi làm một thức ăn gì để ăn cho thật nóng, và sau đó, về campus center ngồi nói chuyện và nghe bản phóng sự bảy giờ rưỡi tối nơi chiếc máy truyền hình đặt ở góc phòng.

(Còn nữa)

Xin bạn đọc chữa hộ

Vì sơ sót nên trong bài « NÓI VỚI TUỔI HAI MƯƠI » của Nhất Hạnh nơi trang 52, 53 và 56 có những lỗi sau đây, xin bạn đọc vui lòng chữa lại hộ :

Trang 52, cột trái, dòng 3, « và những gì ghê sợ nhất » xin chữa lại là « và những gì em ghê sợ nhất », dòng 28, « Con người vì tiên dụng » xin chữa lại là « Con người vì tiện dụng » :

Trang 53, cột trái, dòng 6, « Nhờ biến cố ». Xin chữa lại là « Những biến cố » ; cột phải, dòng 29 « càng thêm rõ rệt, càng cấp bách » xin chữa lại là « càng thêm rõ rệt, thêm cấp bách ».

Trang 56, cột trái, dòng 13 « sách sách mình » xin chữa lại là « sách của mình ». Xin cảm tạ các bạn.

Giới thiệu sách báo mới

Tòa soạn « Giữ Thơm Quê Mẹ » vừa nhận được các tác phẩm sau đây do tác giả và nhà xuất bản gửi tặng :

— *CHÚNG NHÂN* của miền trung tranh đấu của NGUYỄN ĐẮC XUÂN, tạp-chí nhận thức xuất bản, sách dày 158 trang giá 25đ.



— *GIÓ MÙA* tiểu thuyết của NGÔ THẾ VINH, Sông Mã xuất bản, bìa Nghiêu Đề, và 4 phụ bản màu của Lâm Triết và Nghiêu Đề. Sách dày 169 trang giá 60đ



— *LƯỢC SỬ VĂN NGHỆ V.N.* Tổng luận 60 năm văn nghệ V.N phê bình của THẾ PHONG, Đại nam văn hiến xuất bản, sách dày 100 trang giá 45đ.



— *TRĂNG CHIM HOA VÀ NÀNG* thơ của ĐỘNG ĐÌNH HỒ. Lửa xuất bản với 3 phụ bản của Kohya Handa, Takashi Sakai và John Resmini, Trần Tuấn Kiệt và Nghiêu Đề trình bày. Sách dày 64 trang, giá 50đ.



— *SINH VIÊN HUẾ* tuần báo, cơ quan ngôn luận của Tổng hội sinh viên Huế. Chủ nhiệm : Trần Xuân Kiêm, Chủ bút : Hà Nguyễn Thạch, Tổng thư ký : Hoàng Phủ Ngọc Tường. Khổ lớn giá 5đ mỗi số.



— *HƯƠNG VƯƠNG* thơ của THANH SON do Phạm thị Hoàng Thanh xuất bản. Sách dày 147 trang giá 42đ



— *ĐÊM DÀI MUỐN THUỞ*, truyện dài đầu tay của HOÀNG TRÚC LY, Miền-Nam xuất bản. Sách dày 322 trang, in đẹp, giá 60đ

Trân trọng cảm tạ các tác giả và nhà xuất bản, và xin ân cần giới thiệu với bạn đọc G.T.Q.M.



Hộp thư tòa soạn

Tòa soạn Giữ Thơm Quê Mẹ vừa nhận được các tác phẩm sau đây của các Bạn :

- Vỡ thơ của L.T.
- Về đầu thơ của N.T.M.
- Áo ảnh về Kim và «Mối sầu» thơ của L.S.Đ. Tòa soạn vừa gửi thư riêng theo lời bạn yêu cầu.
- Trái ổi và những quả nhân thơ của T.V.
- Bón ba dặm về và Niềm đau thơ của H.Đ.T.
- « Anh còn nhớ không anh ? » thơ H.T.T.H.
- Thế hệ này đây, «Buồn không gian nhỏ» và «Thư cho mẹ» thơ H.M.
- Cho quê hương tôi, hồi cuối 1,2 và Chuyện ngàn sau thơ H.T.T.
- Cuộc đời và Giấc mơ... thơ M.T. (Huế).
- Nỗi buồn nước mắt, thơ H.P.N (KBC 6076).
- Nhận diện và Hẹn về thơ C.T. (Đà Nẵng).
- Cát lở tuổi sầu, Tâm sự cùng bằng hữu và Mối hy vọng đời chàng thơ H.L. (Đà Nẵng).
- Điều tàn hôm nay, Thu và Quê thơ N.L. (Nha Trang).
- Thiên đường lỡ và Một lãng quên thơ T.N.H.M. (Qui Nhơn).
- Những cảm nghĩ trong mùa đông, Nguyễn và Thu Hà thơ Đ.T.G.H. (Hố Môn).
- Đơn ca, Bài ca tự do, Hi vọng cuối cùng và Em thơ A.D. (Đà Lạt).
- Đường xe buýt chạy, Truyện của B.T.H. (Saigon).
- Những người tuổi trẻ hôm nay thơ P.D. (Huế).

— Trông và Cái chết trước hôm nay thơ và tùy bút của T.H. (Quảng Ngãi).

— Con sông Thu Bồn, Năm ngón tay xòe và Nước mắt mẹ buồn thơ Đ.M.H. (Đà Nẵng).

— Lời kêu gọi Lời hoa và Xác thịt thơ Đ.D. (Đà Lạt).

— Cuộc sống hôm nay, Hình dáng hôm nay, Thăm cảnh hôm nay và Nạn nhân hôm nay thơ V.T. (Đà Nẵng).

— Huế của tôi và Bàn tay của gió thơ P.Đ.T. (Huế).

— Đặng Soãi (Hội An) Cuốn Ý thức mới... của Phạm Công Thiện hiện đã có bán tại Đà Nẵng. Bạn nên mua ngoài đó tiện hơn là gửi bưu phiếu vào đây phiên phức cho bạn.

— Trông chông thơ H.P.V. (Kon-tum).

— Tình đời thơ D.H.D.

— Bài tình 1965 và Về dưới căn phòng thơ M.T.B. (Huế).

— Hóa thân, Niềm thương xứ Huế và Chim đêm thơ Đ.T.C. (Huế).

— Những chặng buồn lục bát thơ T.S.L.

— Tuổi trẻ bình yên, Khu rừng và biển cả và Những bài thơ buồn cho em thơ P.C.T. (Saigon).

— Lời ca tin yêu thơ T.H.L. (Huế).

— Ta còn khóc và làm thơ mãi kiếp, Tôi nguyện làm con chim nhỏ bé và Mưa thơ P.D. (Huế).

— Tuổi con đầy bóng mẹ. Trở về đã thú, Cảnh và Tôi tiễn đưa tôi thơ T.D.L. (Huế).

— Tháng 10 mù sương và Liên ca thơ N.T.N. (Phan Thiết).

— Ru cháu và Những đóa hoa hồng thơ T.L.H.V. (Phan Thiết).

— Dư âm và Suy tư thơ N.K.Đ. (Huế).

— Bài thứ nhất hát đi em và Huyền Sử cảm thơ T.H.S.T. (Saigon).

— Cuối tình và Từ đó còn thơ D.Đ.M. (Saigon).

— Xương ngôn và Đời mẹ vẫn còn thơ D.L. (Bảo Lộc).

— Tin tưởng và Đêm thơ N.V. (Huế).

— Vườn hoang, Gục ngã, Gái phú bông và Ngoại thơ N.H.Y. (Saigon).

— Chim và người thơ NVP (Huế).

— Tiếc thương và Điềm trang thơ M.V.X. (Cần-thơ).

— Cầu nguyện hòa bình thơ VĐT. (Saigon).

— Bếp lửa mai, truyện ngắn của N.L.

— Điệu ca đêm, Điệu ca ngày và Lời vọng cuối cùng thơ P.T.T. (Saigon)

— Trong vùng nước mắt, Mảnh hồn, Nước mắt người anh và Bài thơ 20 thơ H.L.T. (Qui-nhơn).

— Thu buồn, Với tiếng khóc và Máu chiều thơ N.T. (KBC 3.199).

— Ngựa và anh thơ NTH. (Saigon).

— Miền quê hương của mẹ thơ H.D.H. (Tuy Hòa).

— Khúc hát của người 22 tuổi và Từ biên cương thơ CTNM (Phan-rang)

— Vào hư không và Buồn đen thơ L.G.T.H. (Tam Kỳ).

— Tuổi học trò, Trong lòng bàn tay

và Cuộc sống thứ hai của chàng thơ N.H.Q. (Saigon).

— Lối buồn thơ THT. (Bình định).

— Thức thơ L.T. (KBC 4152).

— Giữ thơ, Ra đi và Nhị thơ K.Đ. (KBC 6061).

— Nói với tuổi bốn mươi (đoạn văn) và Đoạn ca cuối cùng thơ N.B.N. (Saigon).

— Ảnh đèn đô thị thơ T.L.T. (Quy Nhơn). Về việc đề tên tắt là chủ trương của tờ báo chứ không phải do người coi sóc vô tình. Làm thế, chúng tôi có chủ ý tránh cho bạn đọc sự nản lòng khi loan tin mình nhiều lần trên báo mà bài không thấy đăng. Vậy mà còn nhiều bạn đọc khi gửi bài đến chúng tôi thường căn dặn không nên loan tin rõ ràng trên mục hộp thư. Tuy vậy, để tránh sự trùng hợp tên như ý kiến của bạn, từ số này tòa soạn cho đăng tên các bài thơ trước tên tắt của tác giả. Như vậy khi thấy tên bài thơ tắt tác giả của nó sẽ biết ngay. Mong bạn thông cảm.

Tòa soạn *Giữ Thơm Quê Mẹ* trân trọng cảm tạ các Bạn và xin các Bạn vui lòng đừng gửi các tác phẩm kể trên (trong thời hạn ba tháng) đến các báo khác, để tránh việc đăng trùng phiền phức. Một lần nữa, Kính chúc các Bạn vui, mạnh và sáng tác thật phong phú, dồi dào. (H.K.)

giữ thơm quê mẹ

NGUYỆT SAN PHÁT HUY VĂN NGHỆ DÂN TỘC

càng ngày càng khởi sắc

số 6 phát hành 1-12-1965



Hằng ngày đón đọc

nhật báo

ĐẤT TỎ

cơ quan thông tin và nghị luận
của Phật giáo

Mỗi ngày đọc

NHẬT
BÁO

DÂN TIẾN

tin tức đầy đủ, bình luận xác
thực, trang trọng phong phú

Xổ Số Kiến Thiết Quốc Gia
giúp đồng bào ta làm nên cửa nhà

3 LÔ ĐỘC ĐẠO :

1.000.000 đồng

Xổ ngày Thứ Ba hàng tuần

Mỗi vé 10đ.00



KEM
LIP
TRẮNG

CRÈME
DENTIFRICE

LIP

- Dùng toàn **DICALCIUM PHOSPHATE** không pha trộn chất khác, làm trắng răng phi-thường mà không hại men răng.
- Bột nhiều, đánh sạch răng mau chóng, tẩy sạch bợn dơ ở kẽ răng.
- Hương vị ngon như một thực phẩm, làm miệng thơm, hơi thở nhẹ nhàng.

KEM LIP PHUNG SỰ SỨC KHỎE CỦA ĐỒNG BÀO VỚI PHƯƠNG CHÂM TỐT VÀ RẺ !

V
I
E
T
N
A
M
H
A
N
G
K
H
O
N
G

A
I
R
V
I
E
T
N
A
M

TRONG ĐÔNG-NAM Á



**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGỌAN**



bằng *Caravelle*
PHÂN-LỰC CƠ TRÁNG LỆ NHỨT THỀ-GIỚI
của
ĐƯỜNG BAY

Hoasen VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG: 800 CÂY SỐNG NGÀN MỘT GIỜ
- ★ ÉM-ÁI, MẬT-MỀ, ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN, ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Ngoài ra, trên tàu Quý-vị sẽ thưởng thức những món ăn đặc-biệt do các nữ tiếp-viên xinh-lịch niềm-nở tiếp đãi

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

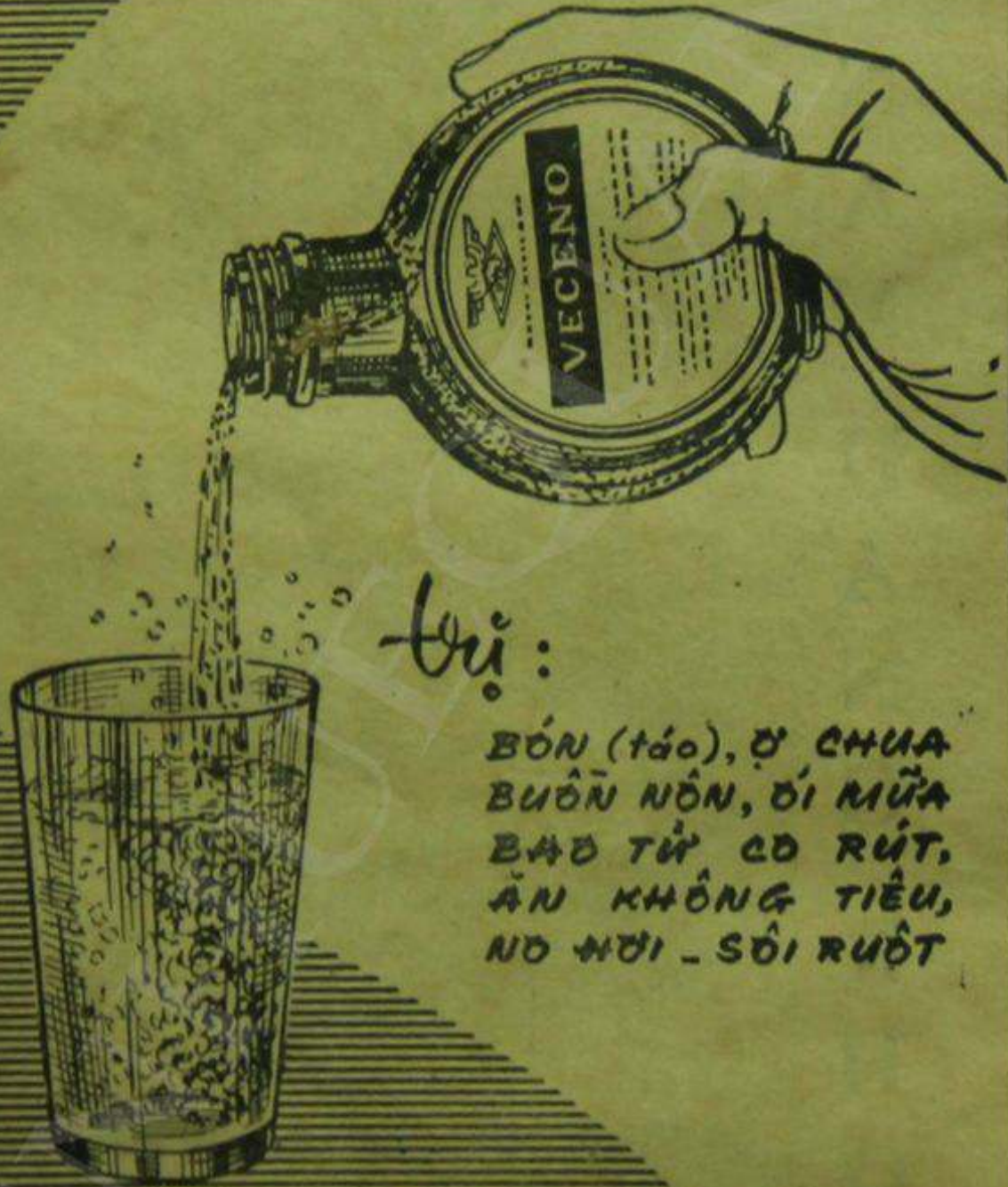
VIỆT-NAM HÃNG-KHÔNG



116, NGUYỄN HỮU SAIGON, 21.624-625-626

THUỐC MUỐI SỦI TẮM

VECENO



Chỉ:

BÓN (táo), Ợ CHUA
BUỒN NÔN, ỚI MỮA
BẠO TỬ CỎ RÚT,
ĂN KHÔNG TIÊU,
NÓ HỜI - SỎI RUỘT

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN.640.BYT/BCDP
17-1-64

VIỆN BÀO-CHẾ N.C
Dược khoa Bác-sĩ Nguyễn-chí-Nhiều
Số 2, đường Tự-Đức Saigon



In tại
Nhà in và Xuất bản HY MÃ LẠP SƠN
Số 190, đại lộ Lý thái Tổ - Saigon

K.D. số 2106/BT-LC
ngày 26-10-65



TÁC PHẨM MỚI

do nhà **LÁ BỐI** ấn hành :



◆ **VẾT HẸN NĂM THÁNG**

gồm 6 truyện ngắn đặc sắc của Võ Hồng
265 trang, giá 42 đ.

◆ **ĐẠO PHẬT NGÀY NAY**

của Nhật Hạnh
140 trang, giá 42 đ.

◆ **TRẦM TƯ CỦA MỘT TÊN TỘI
TỬ HÌNH**

của Hồ Hữu Tường
sách viết tại Côn đảo, gồm 5 trăm tư
vẽ thân phận con người
108 trang, giá 32 đ.

◆ **AUJOURD'HUI LE BOUDDHISME**

của Nhật Hạnh
bản dịch Pháp văn của Lê văn Hảo
140 trang, giá 50 đ.

thư từ, tác phẩm xin gửi về **THANH TUỆ**
hộp thư 935 - Saigon - bưu phẩm về Trung Phú

GIÁ 20\$

Công Sở giá gấp đôi

